



NĂM THỨ HAI ■ TUẦN BÁO VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM ■ 20 Đ.

Khởi Hành

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

THƯ KÝ, TÒA SOẠN:
VIÊN LINH

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

XUÔI GIÒNG

Số này KH đặc biệt giới thiệu cùng bạn đọc Saul Bellow, tên tuổi rực rỡ nhất trong thế hệ các nhà văn Hoa Kỳ hiện nay, người đã từng đoạt hai giải sách Quốc Gia về sáng tác (National Book Award for fiction) lần đầu tiên với tác phẩm The Adventures of Augie March năm 1954 và lần sau với Herzog. Ra đời ở Lachine Quebec, ông đã lớn lên ở Chicago, học ở đây và đậu Bachelor tại Đại Học Đường Northwestern năm 22 tuổi (1937). Ông chuẩn bị lấy bằng Tiến Sĩ tại Đại Học Wisconsin. Có một thời gian ngắn ông làm việc trong Hội Nhà Văn Hoa Kỳ (WPA). Trong Thế chiến thứ hai, ông phục vụ trong Hàng Hải Thương thuyền. > Saul Bellow đã cộng tác với những tạp chí danh tiếng Partisan Review, Harper's Bazaar, The New Yorker và Esquire về sáng tác. Các bài phê bình của ông xuất hiện trên các tờ The New York Times Republic, The New Leader và những nơi khác nữa. Ông cũng là giáo sư tại các trường Bard College, Princeton University, University of Minnesota. Hiện nay ông là hội viên của Hội Xã Hội Tư Tưởng tại Đại Học Chicago. > Kể từ Herzog, tác phẩm trong một sớm một chiều trở thành cuốn sách bán chạy nhất, Saul Bellow nổi bật không những chỉ là nhà văn tài ba nhất trong thế hệ ông mà còn được coi như nhà văn, sau Faulkner và Hemingway, đưa ra một lối viết mới trong Nền Văn Chương Hoa Kỳ hiện đại, chính vì điểm sau cùng này mà KH chọn Saul Bellow để giới thiệu trong số báo này. <

PHẠM CÔNG THIÊN
nói chuyện với nhà văn saul bellow

CAO HUY KHANH
cảm tạ vua mưa saul bellow

SAUL BELLOW
trạng thái (khuất lãm dịch)

THANH TÂM TUYỀN: ÂM BẢN

59

thứ năm 25-6-70

À M BÀN

THANH TÂM TUYẾN

31

Một bài thơ tự dưng, không khi nào cần kêu gọi đến những gì ở ngoài nó. Mỗi câu thơ cũng vậy. Rất thường là anh chỉ thuộc và đọc vài ba câu thơ trong một bài, chẳng cần nhớ đến câu trên câu dưới. Như anh ngâm một góc của bức họa hay nghe một hồi hay một đoạn của khúc nhạc.

Anh không thể tách rời những câu văn với nhau. Một đoạn văn trích không bao giờ đứt. Nó đòi có phía trước, có phía sau. Một quyển sách cũng vậy. Nếu nó không trở vào những quyển sách khác đã có, thì nó chỉ trở ra ngoài nó. Tự nó không đứng vững một mình, nó cần được biện minh.

32

Văn chương lúc nào cũng đòi biện minh. Cố gắng trở thành một công trình, một toàn thể và biết rằng thất bại. Cái giấc mơ Quyển Sách (Le Livre) là ảo huyền. Anh không viết hoặc anh bị đầy viết mãi, viết dài dài theo đời quần quanh vài ba câu, có khi một câu. Viết mãi chẳng xong. Sự tan nát thật kinh khủng hay đầy hoan lạc, tùy anh.

Người viết nào cũng sống với một quyển sách sẽ viết, quyển sách không bao giờ viết được. Và đến cùng, thành thật đến cùng, là đối mặt với nỗi bất lực yếu nhược.

33

Tôi vừa đọc được một câu khá thú vị :

Mỗi người suốt đời chỉ nói mỗi một câu và chỉ dứt khi chết.

34

Văn chương cần biện minh, chính nó là biện minh cho cái gì khác ở ngoài. Nhiệm văn chương là nhiệm chứng biện minh. Anh có biết chứng bệnh văn chương không ? Vì văn chương không phải là một công trình, nó thường cầu cứu đến những thứ bên ngoài hỗ trợ, những thứ thật to tát ghê gớm để núp bóng. Trong các lối biện minh, lối mang chính đời mình biện minh cho điều mình viết nguy kịch nhất. Người viết hóa tượng, đời hẳn là chữ nghĩa và chữ nghĩa là gương soi bóng.

Không gì thể thâm bằng sống và hành động và chết trước tấm gương, phải không anh ?

35

Có lẽ văn chương là sự quy chiếu.

Trong văn chương có thể có một chút hơi thơ nào đó nhưng không bao giờ văn chương trở thành thơ như người ta mơ ước. Văn chương phát sinh để sống cuộc đời của riêng nó, nó có nghĩa của nó. Cái nghĩa của tấm gương vỡ, cái nghĩa của một tham vọng, cái nghĩa của niềm bất hạnh, cái nghĩa của một chứng bệnh...

Nói chung mắc văn chương là mắc chứng bệnh lèm bèm.

36

Chắc anh thấy, anh hiểu vì đâu mấy chục năm nay, chúng ta làm thơ nhiều hơn là viết văn hay ngược lại. Người làm thơ là kẻ ngâm miệng. Ngâm chặt để giữ hơi. Để không tan nát. Không bị lời cuốn vào cuộc phân ly hủy hoại. Δ

DƯƠNG TRỮ LA

THỜI SỰ

nghe thuật

THƠ NHẠC VÀO HẠ TẠI ĐÀ LẠT

Thượng tuần tháng 5 vừa qua, nhóm Việt Hán Đại học Văn khoa Đà Lạt tổ chức một cuộc họp mặt văn nghệ thân mật tại số 38 đường Nguyễn Du Dalat. Trong phần văn nghệ gồm có : Thơ : Hoàng Hương Trang, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Tường Văn, Trần Huân Ân, Đặng Tân Tới, Tường Linh.

Nhạc : Vũ Thành An, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Đỗ Lễ, Từ Công Phụng.

Đặt biệt trong phần Thơ do các giọng chân thành rung cảm đầy nghệ thuật của nữ sĩ Vi Khuê, Lê Nhật Thư và Nguyễn Tường Văn diễn ngâm. Trong dịp này G.S Lê Hữu Mục cũng đã lên đồng góp vài lời chào cổ miền Bắc.

Buổi văn nghệ được chấm dứt trong tinh thần phấn khởi và coi mở của anh chị em sinh viên và quý văn hữu nơi này.

NỮ HOA SĨ PAULINE DOVE SÁP TRIỂN LÃM TRANH TẠI SAIGON

Sau các cuộc triển lãm tại Hoa Thịnh Đốn (Hoa Kỳ) Bombay Calcutta (Ấn Độ) và Nepal, nữ họa sĩ Pauline Dove sẽ trưng bày tranh lần đầu tiên ở Việt Nam từ 19-6 đến hết ngày 28-6-70 tại phòng tranh Hội Việt Mỹ số 28 đường Phùng Khắc Khoan Saigon.

Phòng tranh sẽ trưng bày nhiều họa phẩm của Cô: gồm có tranh vẽ màu hoặc sơn dầu, tranh vẽ bằng than, tranh lụa và tranh dán.

Nét vẽ độc đáo của Nữ Họa sĩ Pauline Dove đã được rất nhiều báo chí ngoại quốc khen ngợi.

Sinh quán tại tiểu bang North Carolina, cô Pauline Dove đã đậu B.A về lịch sử nghệ thuật ở Virginia đậu M.A hội họa ở Washington và đã từng theo học các trường mỹ nghệ ở Pháp và Corcoran.

THƯ VIỆN CỦA CHÚNG TA

Thư viện là một cơ quan không những cần thiết cho nền văn hóa, cho giới khảo cứu mà cả cho sự giáo dục vì nhờ thư viện mà học sinh, sinh viên trang bị cơ sở phương tiện học hỏi.

Một vài người ngoại quốc đã căn cứ vào số thư viện để đo trình độ văn hóa Việt Nam như Hàn Dũ (769-814) kẻ người Việt không biết đến quá khứ «Việt tộc bất hiếu» cổ lưu truyền thất kỷ châu» và mới đây một ký giả của báo News Week (số 9 ngày 28.8.1967 trang 40) đã nói «Việt Nam có rất ít học giả đáng kể». Có lẽ vì những lẽ đó Một thư viện quốc gia đã được khởi công xây từ đầu năm 1969 tại khu đất trường Đại Học Văn Khoa cũ và nếu không có gì trở ngại thư viện này sẽ được hoàn thành vào cuối năm 1971.

HUẾ

QUÁN DOANH DOANH

Sinh hoạt văn học nghệ thuật ở Huế vừa có một nơi dừng đỗ. Đó là quán Doanh Doanh của một nhóm anh em văn nghệ khai trương hồi 19h30 hôm 11-6-70. Quán đặt ở 35 Nguyễn Biểu. Thành Nội. Huế.

Đồng chủ quán là các anh Nhất Huy, Đỗ Vũ, Vương Các... và một vài anh em khác.

Hôm khai trương Doanh Doanh quán, Anh Nhất Huy đã thay mặt anh em trong quán trình bày mục đích là : Nơi gặp gỡ, trao đổi nhận định văn học nghệ thuật nước nhà. Cũng là nơi giới thiệu sáng tác, trình diễn thơ văn của anh em văn nghệ sĩ ở Huế.

Sau hết, tại đây, Doanh Doanh quán và đồng chủ quán sẽ cố gắng thông đạt mau lẹ những tin tức liên quan đến văn học nghệ thuật cổ đô nổi tiếng và miền Nam nói chung.

Tham dự đêm khai trương ngoài một số anh chị làm văn học nghệ thuật ở Huế như Thái Ngọc San, Lê Bá Lăng, Lê Phước Thủy, Nguyễn Văn Phụng, Vương Các, Phan Hữu Lượng, Nguyễn Hữu Ty, Châu Thời, Hồng Hạnh, Thường Ba... còn có rất đông anh chị yêu văn nghệ tham dự.

Cũng nên nhắc lại là không một tuần trước ngày khai trương, nhân dịp anh Thế Uyên ghé thăm Huế các anh Nhất Huy, Đỗ Vũ... đã tổ chức một cuộc họp mặt thân hữu có cả sự hiện diện của anh Trịnh Công Sơn.

Nhân buổi họp mặt đó anh Thế Uyên đã trình bày tình trạng bế tắc của các nhà xuất bản ở Sài Gòn (Lá Bối, An Tiêm, Thái Độ...) do thuế kiểm soát của chính phủ. Một cuộc nói chuyện lý thú xoay quanh vấn đề thời cuộc, hôm đó, đã được các anh Thế Uyên và Nguyễn Văn Phụng đầu khầu cho tới gần giờ giới nghiêm.

Trong tình trạng bế tắc của sinh hoạt văn học nghệ thuật ở Huế — do vấn đề thời cuộc mà ra — sự xuất hiện Doanh Doanh quán quả là một mảnh đất «mưa kiểng» tốt của giới làm văn học nghệ thuật ở kinh đô. (Phạm Nguyên ghi) 6/70

DIỄN THUYẾT VỀ TRÌNH DIỄN DÂN CA

Đoàn Sinh Tin Lành Saigon tổ chức một buổi diễn thuyết và trình diễn dân ca vào lúc 19 giờ 30 đêm thứ Bảy 20-6, tại số 7 đường Trần Cao Văn, Saigon.

Bác sĩ Claurance Jernigan, y sĩ đặc trách sức khỏe cho các phi hành gia của Phi thuyền Apollo 12 nói chuyện về đề tài : «Không gian và con người». Sau đó là phần trình diễn dân ca của ban nhạc trẻ The Lively One và nữ danh ca quốc tế Cyuthia Chawson.

Vì số ghế giới hạn, phải đi thiệp mời, chúng tôi đã đến trễ hết giấy nên chỉ loan tin như trên.

DIỄN THUYẾT VỀ «KHÔNG GIÁO»

300 thỉnh giả thuộc thành phần giáo chức, thân hào nhân sĩ, công chức tỉnh Quảng Tín, ngày 13-6 đã tham dự buổi diễn thuyết về «Không Giáo» do Tỉnh hội cổ học tổ chức An Thành Lạc Viên (Thị xã Tam Kỳ).

Giáo sư Trần công Định, phó hội trưởng Tỉnh hội Cổ học Quảng tín đã trình bày đề tài «Đức Không phu tử vị thầy muốn thu». Nhon dịp này, một số văn nghệ sĩ đã làm bình thơ của các vị hội viên thuộc Tỉnh Hội.

NGUYỆT SAN CỦA HỘI VĂN HÓA BÌNH ĐỊNH

Một số nhà văn tên tuổi ở đây vừa nhận được thư của Hội Văn Hóa Bình Định. Theo như thư thì Hội Văn Hóa Bình Định vừa được thành lập, một trong những công tác cần thiết mà hội phải làm là thực hiện ấn hành 1 tập chí văn hóa xuất bản hằng tháng, dùng làm cơ quan ngôn luận của Hội. Với chủ đích là: phát huy văn hóa dân tộc, phản ánh những ưu tư, hoài vọng của thế hệ trẻ trước bất công xã hội, trước kẻ thù và trước sự mạng của cả của lịch sử. Nói lên tiếng lòng của những người biết yêu thương, biết quý trọng, biết quyết tâm trong mọi hành động để xây đắp và bảo vệ quê hương.

Số ra mắt dự định phát hành vào tháng 8-70. Những bạn nào muốn đóng góp văn thơ hãy gửi về Ô. Thái Tân (Trần Đình Thái) Tổng thư ký tòa soạn. Trung tâm Văn hóa Bình Định tại Quy Nhơn.

QUI NHƠN CỐ THƯ VIỆN

Đại tá Nguyễn Mộng Hùng, Tỉnh Trưởng Bình Định vừa cho thành lập tại Trung tâm Văn hóa Qui Nhơn một thư viện công cộng lấy tên là thư viện Qui Nhơn.

Thư viện này là cơ sở của Tòa Hành Chánh Bình Định, do một quản thủ thư viện đảm trách với sự trợ giúp của một Ủy ban do ông Bùi Xuân Thích, Phó tỉnh trưởng tại Tòa Hành Chánh Bình Định làm chủ tịch.

NHỮNG VỤ GAI MÒN CỦA HÀ HUYỀN CHI

Cuốn Rừng Ái Ân, có chiều dài 100 trang, nên nhà Chiêu Dương đang nóng nảy chờ đợi fenille-ton "Những vụ gai mòn" của Hà Huyền Chi chấm hết là cấp tốc lên khuôn ngay.

HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á CHÂU

Từ 15 đến 19 tháng 6-1970 Hội Nghị Các Nhà Văn Á Châu đã diễn ra tại Đài Bắc. Đề tài hội thảo là:

Những vấn đề đặt trước các nhà văn Á Châu.

Chương trình gồm tất cả sáu tiết mục như sau:

- 1) Sự phát triển của văn chương dân tộc.
- 2) Vai trò của tiểu thuyết ngày nay.
- 3) Thơ và văn xuôi trong thời đại mới.
- 4) Kịch trong xã hội mới.
- 5) Sự sử dụng và lạm dụng các phương tiện thông tin cho quần chúng.
- 6) Dịch thuật trao đổi giữa những ngôn ngữ Á Châu.

Bao trùm tất cả sáu tiết mục này là một tinh thần đặc biệt được diễn tả như sau:

"Những nhà văn có thể làm được những gì hay sẽ phải làm những gì?" Ngày nay, chúng ta đang đứng trước những biến chuyển lớn lao về tinh thần và kỹ thuật. Chúng ta đã bước vào kỷ nguyên không gian. Chúng ta đương là nhân chứng của một thế giới rung chuyển bởi sự nổi loạn của thanh niên và sự thách thức của họ với mọi giá trị xã hội. Chúng ta đã được thấy những đợt sóng của cuộc nổi loạn này vào bờ biển Á Châu. Những nhà văn Á Châu sẽ phải làm những gì? Và hiện giờ họ có thể làm được những gì?"

Kể ra, tiểu thuyết của Hà Huyền Chi được ưu ái đó chớ, chưa viết xong đã có nhà xuất bản chực chờ. Không bù những nhà văn khác viết sách xong ôm đi gõ cửa hết nhà xuất bản này đến nhà xuất bản khác để rồi nhận lãnh câu trả lời: "Giấy mả quá in không nổi...". Lời nhà xuất bản nói đó, có ai tin không?

ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH Á CHÂU ĐƯỢC KHAI MẠC TẠI INDONESIA

ĐJAKARTA.— Tổng Tổng Suharto đêm thứ Hai đã chính thức khai mạc Đại hội Điện ảnh Á Châu kỳ thứ 10 tại Indonesia.

Trong bài diễn văn đọc tại phòng Bali của khách sạn "Indonesia" Tổng Tổng Suharto đã nhấn mạnh đến mục tiêu chính của hiệp hội các nhà xuất bản Á Châu đã tài trợ kỳ Đại Hội Điện Ảnh gồm sự tham dự của 9 quốc gia này.

Ông nói: "Chúng ta đã làm việc cực nhọc để cống hiến cho các khán giả một sự giải trí lành mạnh, là phim ảnh".

Các giải thưởng "Mùa lá vàng" và "Mùa lúa bạc" sẽ được trao tặng cho các cuốn phim xuất sắc nhất trong số 31 cuốn phim có chủ đề và khoảng 20 cuốn phim tài liệu.

Các quốc gia tham dự đại hội này gồm có Đại Hàn, Thái Lan, Hồng-kong, Nhật Bản, Tân Gia Ba, Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Trung Hoa Quốc Gia và Indonesia.

Việt Nam Cộng Hòa không thể tham dự Đại hội điện ảnh này được vì tình hình hiện nay trong nước.

Hoa Kỳ gửi 2 tác phẩm điện ảnh vừa được giải thưởng quốc tế là các cuốn phim "Trục Grit" và "Splender in the Grass".

Anh quốc cũng có gửi góp mặt 2 cuốn phim trong khi Ấn Độ gửi đến 5 cuốn.

Các cuốn phim gửi góp mặt này không hề chịu sự chấm điểm của Hội đồng giám khảo.

Đại hội điện ảnh này sẽ kéo dài chừng 4 ngày, trong đó tất cả các cuốn phim chủ đề và tài liệu sẽ được lần lượt chiếu tại 12 rạp hát tại Indonesia.

Các giải thưởng sẽ được loan báo vào ngày 19 tháng sáu.



ĐẶNG TRẦN HUÂN

TIẾNG NÚI

Háng năm cứ tới mùa thu, giới văn nghệ Hoa Kỳ lại có dịp sôn sào bàn tán, tiên đoán xem giải Nobel văn chương sẽ về tay ai? Nhất là tay văn sĩ Mỹ nào.

Mỗi năm họ đều đoán là người Mỹ sẽ đoạt giải, nhưng rồi người Mỹ lại không chiếm. Trường hợp John Steinbeck họ đoán mãi, đoán mãi và tới khi John Steinbeck được trao giải Nobel họ cho rằng ông được giải chậm mất mười năm.

Bây giờ John Steinbeck đã được giải rồi nên họ lại đoán giải phải về tay Norman Mailer hay W.H. Auden mới xứng, nhưng tới nay hai nhà văn này vẫn chưa dính.

Tới năm 1968 khi giải Nobel văn chương được trao cho nhà văn Nhật bản Yasunari Kawabata thì thật là một sự ngạc nhiên cực độ cho giới quan sát văn nghệ tại Mỹ. Nhân dịp này nhờ báo chí đăng tiểu sử văn giới Mỹ mới nhiều người biết sơ sơ tới Kawabata.

Tuy thế nhà văn Nhật này cũng chẳng được các nhà xuất bản Mỹ chiều chuộng. Mãi tới năm nay một cuốn sách của Kawabata lần đầu tiên được dịch và do nhà Knopf xuất bản tại Mỹ. Đó là cuốn The sound of the Mountain (Tiếng Núi) dày 276 trang bán 6,95 đô la. Đây không phải là cuốn sách nổi tiếng nhất của Kawabata. Những cuốn nổi tiếng của ông là Ngàn cánh hạc và Xứ tuyết.

Nhưng được dịch ra tiếng Mỹ là mừng rồi. Người ta còn nhớ trường hợp cuốn giờ thứ 25 của nhà văn Lỗ mả Ni Gheorghiu sau khi xuất bản đã nổi tiếng như sóng cồn ở Âu châu, ở Á châu có thể ở cả Phi châu, Úc châu nữa, nhưng đọc giả Mỹ vẫn không hề biết hay nghe nói tới cuốn sách này. Mãi tới năm 1966 gì đó sau khi Giờ Thứ 25 được quay thành phim đem chiếu tầm lưm rồi cuốn sách mới được dịch và xuất bản tại Hoa kỳ. Trên bìa sách ngoài tên sách và tên tác giả in bằng một cỡ chữ, màu mực thật khiêm nhường nhưng giông chữ nổi bật nhất là "Đã được quay thành phim".

Thành ra nếu muốn để vượt về tư ái bằng cách suy luận rằng đọc giả Việt Nam trình độ cao hơn đọc giả Mỹ vì được đọc Ngàn Cánh hạc, Xứ tuyết, Giờ thứ 25 trước người Mỹ thì nghe có vẻ vuội tai.

Song lẽ nếu nghĩ kỹ lại là ta đọc sách ghê thế mà ta vẫn nghèo đói hơn Mỹ thì thấy rằng quyết định cho giấy in sách ngang hàng với giấy gói lại có vẻ thức thời và thực tế cũng nên.

QUẢ BONG BÓNG ĐỎ QUA ĐỜI

Albert Morisse, nhà sản xuất điện ảnh Pháp vừa từ nạn trong khi đang hành nghề. Chiếc trực thăng quân sự chở ông đi quay một cuốn phim tài liệu dụng phải một giây điện cao thế và rớt tại một địa điểm gần thủ đô Téhéran mang theo điện ảnh gia tài ba chưa đầy 50 tuổi.

Albert Morisse nổi tiếng thế giới với cuốn phim nhĩ đồng Quả Bong Bồng Đỏ (Le Ballon Rouge). Cuốn phim này đã làm say mê bao nhiêu triệu khán giả nhĩ đồng và cả người lớn trong những năm 50 và 60.

So với Walt Disney, điện ảnh gia Morisse không có một sự nghiệp rạng rỡ bằng nhà điện ảnh Mỹ, nhưng mỗi người có một lối đi riêng. Walt Disney chuyên về phim hoạt họa và nổi bật về phim hoạt họa. Những phim quay với các nhân vật sống như Davy Crockett thì kém hơn nhiều.

Trường hợp phim đóng Quả Bong bóng đỏ của Albert Morisse thì là một tác phẩm tuyệt vời. Không nghe nói Albert Morisse thực hiện những phim hoạt họa.

Dù sao thì mất Walt Disney và Albert Morisse vẫn là những mất mát lớn cho giới trẻ thơ. Họ đành bắt buộc phải xem những phim xoàng xoàng kiểu thần phùng Astroboy, sư tử trắng Kimba hoặc Chú vịt con...

Khởi Hành

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG: HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUẦN ĐỘI • GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 3581TIBC NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON ĐT: 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG
Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VĂN
Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÔ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH THẠCH • HOÀNG NGỌC LIÊN • ĐẶNG TRẦN HUÂN • NGUYỄN H. THÔNG • DƯƠNG TRỮ LA

VE
NG. HỮU NHẤT • LƯU HUỖNH TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu để tên Chủ Nhiệm • Bài vở để tên Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ. mỗi số • Công sở giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khởi Hành xin miễn gửi cho báo khác, và ngược lại • Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu không có lời yêu cầu.



SÁCH BÁO MỚI

MÊ CHỮ.— Tập truyện của Vũ Bằng, Tân Văn xb, dày 124 trang, giá 50 đồng.

Tác phẩm mới nhất của một nhà văn nổi tiếng từ thời tiền chiến.

SÀU ĐỒI.— Tiểu thuyết của Nguyễn Thụy Long, dày 372 tr, giá 280đ do Âu Cơ xb. Bìa hai màu mỹ thuật.

Tác phẩm của một tác giả đang ăn khách.

MỘT MÙA TÓC MỘ.— Thơ Huy Tường do tác giả tự xb. Dày 150 trang, nhiều phụ bản.

Tập thơ thứ hai của Huy Tường, trình bày trang nhã công phu

TIN VIỆT.— Chủ nhiệm chủ bút Tú Kieu. Khởi Hành, 12 trang, giá 20 đ.

Tờ báo trào phúng giá trị

HOA TRẮNG.— Thơ Cao Tiểu nhạc Vũ văn Tuyền, Bội Ngọc xb. Sách khổ lớn, giấy trắng, trình bày đẹp, ba màu.

Hoa Trắng là một bài thơ Cao Tiểu làm từ 1955, do nhạc sĩ Vũ văn Tuyền soạn thành ca khúc hợp ca bốn giọng đều, chỉ in có 500 bản giấy tốt

BUÔNG TƠ.— Thơ Thủy Văn và Thy Linh Thy. Ronéo, 50 trang, bìa typo, do nhóm Hồn Hoàng Phan thiết xb.

NGÀN RU.— Thơ Lê Duy Nguyễn Nhị. Ronéo. Hồn Hoàng Phan Thiết xb.

NGUYỆT SAN BIỆT ĐỘNG QUÂN.— Số 6 tháng 5/70. Chủ nhiệm Đại Tá Trần Công Liễu, chủ bút: Hữu Nhơn.— Báo in hai màu, dày trên trăm trang, trình bày đẹp, công phu, bài vở đặc sắc.

HOAN HỒ, CẢM TẠ: VUA MƯA

HENDERSON muốn làm một tên mọi trắng. Henderson xuất hiện ở Phi Châu dưới một bầu trời nắng đỏ lửa ào quần rách nát mặt mày tối tăm, tội mọi đen ủa vào dề hân xuống đất lết hết ào quần làm hân đứng tổng ngồng đực mặt ra dấy trên người không có lấy một manh khổ che thân, bản năng tự vệ của một gã đàn ông có đầy đủ văn minh-tinh khiến hân phải vội lấy tay che che bên dưới vì sợ xấu hổ với bà con thiên hạ bu quanh nhưng mấy ả mọi đen lại cứ hét ngược lên hết tay hân đi không cho che gì hết (có cái gì đáng lấy làm ngượng dẫu mà phải hốt ha hốt hải che che dẫu như vậy cơ chứ? Minh là mọi kia mà!). tội mọi đen lại hùng hục xông tới khiêng bằng Henderson lên vai (Henderson vẫn còn trần mình ra như nhộng) rồi đem ném hân xuống hồ nước làm hân uống một bụng nước ứ hơi, xong tội mọi xách cổ hân lên lấy bùn trét đầy người lấy lá cây và lông thú cắm tứ tung lên tóc bởi mặt và mày xanh xanh đỏ đỏ đoạn xô hân nhào sấp xuống đất bắt bò lê bò còng trên mặt đất để làm lễ cầu đảo thần linh. Gọi mưa tới. Gọi mưa tới. Henderson phải gọi mưa tới. Và cuối cùng, mưa tới với Henderson, mưa ào ào như thác lũ mưa cuồng phong như ngày tận thế, mưa hồng thủy đem sự sống tới cho những đóa hoa sa mạc mở bừng ra một lần sau 40, 50 năm yên ngủ trong lòng đất, mưa trút nước tới bởi mưa chảy chan hòa diệu sống mưa tuôn trào hơi thở trên Henderson đang dần hiện nguyên hình một thanh người nguyên thủy man dại rừng rú dã man, một con vật ban sơ ngạc nhiên và chiêm ngưỡng, trần truồng lông lá và da thịt đầy người, lẫn lộn vùng vẫy điên dại trên mặt đất, cần răng tóc máu và cào cấu khát vọng lên mặt đất, há họng gào thét điên cuồng, hét vô vọng và khốc đảm dĩa, mưa như chưa bao giờ mưa trên cuộc đời này vì mưa là phép lạ, mặc khải mặc khải hoang vu và nhập thần thật mọi rợ, hạnh phúc làm mọi ở Phi Châu thật độc địa và kỳ bí khôn tả vì từ giây phút đó Tân Thế Giới đã hiện hình trước mặt: một cuộc đời mới, một hình nhân tinh rỗng từ sơ đồ, một tâm hồn rửa sạch quá khứ chết ngất, một xác thân đổi dạng, lột hết lớp da chi, từ bỏ tiếng nói để găm thét như sư tử, mọc lông cháy rỗng trong rừng già, xua đuổi quỷ sứ và đón chào quỷ sứ, đau khổ phục sinh rạng rỡ giữa trái tim non, đâm đầu xuống hầm rắn để gọi Adam Adam cứu rồi con; trả lại giọng máu sôi nóng muốn năm—khởi sự luyện tập thành thực để biết ngửi hoa hồng, biết nằm nghe cỏ mọc từng cơn rạt rào âm u, biết bụi mờ có tuổi trùng dương động trên linh hồn thấp cổ, biết cúi xuống hôn lên mặt đất ấm sương long lanh mùa xuân không bao giờ về nữa, biết chiêm ngưỡng những vì sao bất diệt (« Chúng ta không nhìn thấy những vì sao đúng như hiện thân của chúng, vậy thì có sao chúng ta lại yêu mến những vì sao? », và bắt đầu tìm đến với loài đá thượng cổ mặt mù giăng giăng thời gian bày thú rừng giấu nhanh vuốt non ngủ trên cỏ (« và tôi tin rằng giữa đá và tôi còn có một cái gì đó » (1)). Thế là Henderson được nồng nhiệt phong thần, được vỗ tay như điên đưa lên làm chúa tể cả một vùng sa mạc, được tôn vương để làm đệ nhị vị trưởng mà thay mặt thần linh ban bố mưa lành xuống cho nhân loại, Henderson được hoan hô tung trời cung kính đưa lên ngai vua: Vua Mưa. Henderson như thế đấy: một công dân của Mỹ quốc viện trợ, 55 tuổi, 1 vợ 6 con, giàu bậc triệu, sống ở New York đầy đủ tiện nghi ăn chất nhưng vẫn khiêm chịu bằng lòng sống yên ổn như vậy như hàng triệu người khác. Đời sống trong thành phố khô cứng, ù lì, trắng tráo không chịu nổi, Henderson vùng lên chống đối với tất cả, tâm hồn hân luôn luôn vang động một lời thúc giục khẩn cầu kêu gọi mau mau lên đường ra

chiến trận thực sự dành sẵn cho mỗi người, lồng ngực đập rầm rầm hoảng hốt vì tiếng xe chạy người ngòm qua lại ở ngoài kia, trí óc tán loạn một đừ vì những áp phe làm ăn kiểu kỹ nghệ gia đầy rẫy thị trường, đêm ngày hân ám đầy một lời la hét tuyệt vọng: *I want I want...* Tôi muốn cái gì? Có lẽ tôi muốn thoát ly ngay lập tức ra khỏi cái thế giới tiến bộ đáng nguyền rủa này, tôi muốn chặn đứng lại những chuỗi ngày tháng ma ngiệt hắc ám trong dòng xe cộ này đã làm tàn rụi con người tôi từ lâu, tôi muốn lên đường trở về với rừng rú những niên đại cũ ở đó tự tay tôi sáng tạo cho mình một nghi lễ thuần khiết vô tư giữa lòng sự vật nguyên sơ, tôi muốn phục hồi lại trong tôi tâm lòng thành cao cả và trong trắng hiển dăng cho điều bí nhiệm và sự thuần túy hiển linh. Henderson của Hiệp Chúng Quốc vẫn minh bạch nhất cường quốc nguyên từ là như thế đó, « một người mà trái tim luôn luôn gào thét *Tôi muốn Tôi muốn*. Một người đàn ông cảm thấy tuyệt vọng, mãi mãi tìm kiếm tiếng nói của những thiên thần » (tr. 67) Cho đến một ngày kia Henderson bị một thanh củi trong lò sưởi văng ra đập mạnh vào mũi làm chảy máu mũi và trong khi máu mũi chảy ròng ròng thì chợt nhiên hân nhìn thấy chân lý, đó là giờ phút làm nở bùng giấc ngủ mê của tinh thần đấy Henderson đứng dậy lên đường rồi bỏ một con người chết để đi tìm một con người sống chính là lên đường đi đến với nội tâm mình bao la dịu vợi; « Mỗi

CAO HUY KHANH



người đều linh cảm thấy tự thâm tâm rằng mình phải cứu mang lấy đời mình đưa nó trầm lắng xuống tới một đáy sâu nào đó. Thế nên tôi phải lên đường bỏ đi vì tôi vẫn chưa đạt tới được chiều sâu đó trong tôi » (tr. 91). Bởi vì chính cái chiều sâu huyền ẩn đó, một huyết sâu thâm lắng đọng để trầm mình trong đó, trong một nội tâm thuần khiết vô hình « Chúng ta sẽ sáng tạo và sáng tạo và sáng tạo không ngừng ». Và kể từ đó Henderson thành một kẻ thẳng mọi Châu Phi da trắng, một anh hề ngoại hạng, một ông tù trưởng không ngại thơ ngây một cách dã man, thẳng người rừng bất hủ đến tột cùng, gã thượng du ăn lông ở lỗ nằm trong hang đá gào rú đuôi mặt trời đi, hân thành ông VUA MƯA làm ra mưa, kẻ mơ mộng và sáng tạo nên cơn mộng của mình. Đến trong một bộ lạc Phi Châu, Henderson khám phá thấy cả một đồng chân lý, hân ngạc nhiên theo không kịp chân lý, đuôi chân lý đến một đứ, chân lý ở đó tràn lan từ hoa đồng cỏ nội lẫn trong cơn thú găm thét qua đêm trường, chân lý làm động dấy xuống đất để nghe bài hát rừng mộng menh từ thượng cổ, đuôi bắt thú dữ và đồ máu tràn trề để ngự trị trên đầu cá sấu, chính đám mọi rừng này sẽ dạy cho Henderson tất cả những bài học sống và chết của một người: truy tìm sự cứu chuộc rạng rỡ, kháng cự lại sự phi lý thường xuyên; khởi sự sáng tạo nên sự tưởng tượng tuyệt vời, dẫn mình vào cơn bão táp đầy mồ hôi, nước mắt và máu và cát sa mạc nóng bỏng

miền nhiệt đới để tìm lại miền nội tâm sâu hun hút luôn mờ mịt quyền rũ; như thế đấy Henderson ném thân thể mình ra giữa đời sống ngàn ngút lửa để sống đầy tràn lan, tất cả là một hành trình *Trở Thành Người* sống động mãnh liệt, thở đầy sinh khí hồi hộp tàn bạo và thức tỉnh trong một niềm sáng suốt để mà: « Đã đến lúc để *Trở Thành*. Đã đến lúc để *Hiện Sống*. Về bừng lên thần trí đang mê ngủ. Hãy thức dậy hỡi Mỹ quốc! » (tr. 136).

Dù bất cứ lúc nào con người vẫn còn kịp để thức tỉnh, lay động mình trở dậy thoát khỏi cơn vây ám của ác quỷ, thay đổi cách sống và làm lại bản tính thuần phác chọn thật của mình, kêu gọi tiềm năng phong phú vùng dậy, trút bỏ những lớp lang nguy tạo bị dè, nhớ tha thiết về quê hương tiền sử như cộp nhớ thịt người, yêu đương thể giới nơi những dã thú từ đám lá cây non những nụ bích đào qua tia nắng rơi vào ngực thối, ngừng đầu lên hứng mây trời rơi xuống tư tưởng như sương non ập ụp trong cánh hoa sớm mai hồng hào, khai quật lại những lòng lý mọt từ đã sử dụng ta, Từ Trường Dahfu đã nói như thế. Và Henderson biến thành sư tử. Hân nhào xuống đất bò bốn chân găm gù, gào thét lồng lộn, vùng vẫy tàn phá mặt đất tan hoang, rú lồng nồm bùng nổ trong hốc đá ngầm sao trời và xù lông chiến đấu với kẻ thù, nhe nanh múa vuốt muốn đồ máu cho nóng từng đường kinh mạch hay ngồi dựng dậy phả hơi thở đốt bỏng đêm, hồn sư tử nhập vào Henderson và trở thành sư tử trong phút chốc chính Henderson đang tự tay làm nghệ thuật đời mình. Sự linh thánh cổ sơ hòa nhập toàn diện, thần kinh làm loạn vang vang và khuấy phục dã nhân, la hét và khốc chan hòa trên vũ trụ những phép lạ tầm thường đã bao ngày bỏ quên: « Nhưng vũ trụ tự nó đã được đặt vào sâu kín trong chúng ta, vũ trụ kêu gọi tiến tới với nó. Sự vĩnh cửu xây dựng trên chúng ta, nó kêu gọi chúng ta đến đó để góp sức sống vĩnh cửu » (tr. 267).

Đó là tất cả câu chuyện của Henderson, Henderson — Songo (Songo là tiếng thổ dân dùng để gọi danh hiệu VUA MƯA), câu chuyện một kẻ luôn luôn khao khát sống mãnh liệt, nổi loạn chống lại đời sống nguy tạo, chống lại một xã hội vô nhân đạo một thế giới vật chất đề tiện đã lãng nhụy và chọc giận cơn thú trong tôi, người đã xả thân để tìm kiếm vẻ đẹp ban sơ chôn vùi quanh đời sống như làn hơi nước thoát ra từ một dòng sông mờ, tên tù nhân vượt ngục tìm về sa mạc và sườn núi để mở rộng trái tim ra đón gió nóng giờ ngọ. Kể từ ngày Don Quichotte từ trận đến giờ, trên thế gian này ít có người nào chịu chơi hết mình như Henderson, hân hải hước tột độ, hân ngoạn mạn một cách thơ mộng và hân để thương như đứa trẻ lượm từng hòn sỏi trắng rơi trong lòng suối hoàng hôn mặt trời ủa dưới chân đồi. Ôi tên hề duyên dáng và hạnh phúc làm cảm động rơi nước mắt. Henderson không và ngày thơ và kỳ dị quái gỡ khôn cùng. Hân say mê trên đường loạn lạc và hân trầm tĩnh cô đơn thâm thương. Henderson luôn miệng la hét gào thét phản đối lung tung, chửi rủa thậm tệ và đau đớn và ảo não ủa tàn không ai hay biết, hãy nghe: « Hãy cứu vớt linh hồn tôi! Hãy cứu vớt linh hồn tôi. Tôi sẽ làm gì? Tôi phải làm gì? Ngay lập tức bây giờ! Tôi sẽ trở thành cái gì đây? » (tr. 184). Nhưng Henderson cũng vẫn còn sức mở miệng cười cợt hư không, cười ngạo nghệ chiến thắng định mệnh, cười ào ào, cười vô tâm, cười bất tận, dẫn hiệu sinh nhật của sự trắng trong trái tim nguyên thủy: Ha Ha Ha Ha Ha, Ho Ho Ho Ho Ho...

Xem tiếp trang 15

(1) Henderson the Rain King, Fawcett Crest Book, tr. 42.)



SAU FAULKNER
và HEMINGWAY, đất Mỹ bùng phát lên một đám nhà văn trẻ lỗi lạc, hầu hết đều là người Mỹ gốc Do Thái. Tôi là một người chịu khó đọc nhiều về văn hóa Mỹ và có một điều khó

hiểu mà tôi vẫn không chịu tìm hiểu: tôi chỉ sống được ở đất Huế Kỳ chừng khoảng ba ngày là nhiều, còn tiếp tục sống ở đó lâu hơn nữa thì tôi buồn chán trống rỗng đến độ ngơ ngẩn; tôi đã đi qua gần hết những thành phố quan trọng của Huế Kỳ, tôi đã sống ở New York một thời gian và tôi đã đi qua Huế Kỳ ba lần rồi, nhưng bất cứ lần nào tôi cũng đều thấy rằng tôi không sống nổi trên đất Huế Kỳ, thế mà có một điều lạ là mỗi lần đọc một tác giả lớn của Huế Kỳ thì tôi có cảm tưởng rằng tác giả ấy cũng nói lên một ngôn ngữ như mình, cũng đập một nhịp tim như mình (có những tác giả Mỹ mà tôi vẫn đọc đi đọc lại suốt mười năm nay như Emerson, Thoreau, Whitman, Melville, Emily Dickinson, Faulkner, Hemingway, F. Scott Fitzgerald, Thomas Wolfe, William Saroyan, Salinger, Mailer Baldwin, Updike, vân vân. Dĩ nhiên hai tác giả ảnh hưởng tôi nhiều nhất vẫn muốn đời là Henry Miller và William Faulkner, mỗi tôi đi ngủ ít nhất tôi cũng đọc đi đọc lại vài ba trang của William Faulkner và Henry Miller và mỗi sáng thức dậy thì vẫn ăn "điểm tâm" với vài ba trang của Henry Miller. Phải chăng chỉ có những nghệ sĩ Huế Kỳ mới đúng là người Huế Kỳ, còn những hạng thương gia, kỹ nghệ gia, chính trị gia Huế Kỳ thì chỉ là những cái gì bôi đen chính truyền thống rạng rỡ của họ? Tôi nghĩ rằng tôi hiểu về Huế Kỳ hơn cả những người Huế Kỳ: thử hỏi có mấy người Huế Kỳ hiểu rõ Emerson, Whitman, Faulkner, Hemingway, Henry Miller, Saul Bellow, Salinger, vân vân, hiểu rõ, hiểu sâu, hiểu đến, quen thuộc như là tôi quen thuộc với những tác phẩm của những tác giả ấy? Thử hỏi có mấy người Mỹ ở Sài Gòn này đọc William Faulkner từ trang đầu đến trang cuối, từ trang cuối tới trang đầu, như tôi đã đọc? Nghĩa là đọc với thương yêu, ngạc nhiên, nhạy cảm, xuất thần liên miên? Thử hỏi có mấy người Mỹ ở Sài Gòn này sống được từng giây từng phút với tư tưởng núi cao mát rượi của Emerson? Thử hỏi trọn cả nước Mỹ có mấy người hiểu được ý nghĩa thâm sâu quý báu của toàn thể văn nghiệp Henry Miller?

Tôi bắt đầu nói ra đề: nhưng sống ở ạt như nước tuôn chảy thì phải ra đề! Không có gì mê ly khoái cảm cho bằng đọc những trang văn của Emerson, Whitman, Faulkner và Henry Miller: họ luôn luôn nói chuyện ra ngoài đề. Dở thử một thiên cáo luận nào đó (chẳng hạn thiên đề "Self-reliance" của Emerson) thì điều làm tôi xuất thần liên miên là Emerson không bao giờ đi thẳng vào đề: ông cứ nói chuyện ra đề, viết "cà kê đề ngỗng" cho "đá

đôi" rồi thì mình mới biết rằng điều quan trọng không phải tìm hiểu "Self-Reliance" có nghĩa là gì mà điều quan trọng là cảm thấy mình đã được "Self-Reliance" ngay từ lúc mở mang mở qua từng trang giấy của Emerson! Tôi ít khi đọc văn chương Pháp, mặc dù từ nhỏ tới lớn vẫn được "bú sữa" với những bà thầy Pháp: chỉ có thi ca Pháp là tuyệt vời nhất, còn triết lý và tiểu thuyết Pháp thì chỉ đáng vứt xuống sông! Không có một triết gia Pháp nào khả dĩ xúc động tôi, chỉ có Descartes là tôi có cảm tình sâu đậm (vì ông ta viết triết lý bằng ngôn ngữ như tiểu thuyết tự truyện và tôi thích nhất cái tật nằm nướng trên giường của ông ta, cái tật đáng yêu của Descartes: ngủ dậy rất trễ, nằm ỉ ra trên giường suốt buổi sáng và "triết lý" ngay trên giường; chỉ có một lần bị một nữ hoàng bắt thức dậy sớm và Descartes phải bị bệnh rồi chết vì cái vụ thức sớm ấy!). Ngoài Descartes ra thì tôi yêu phục Paul Valéry (cái ông Valéry này có cái tật đáng yêu nhất là thức dậy sớm, không có lúc

mê nhất là những ông có cái tật viết văn ra đề: chẳng hạn Blaise Cendrars (mỗi lần đọc một trang của Blaise Cendrars là tôi muốn đội nón, bước ra khỏi trường đại học Vạn Hạnh và lê la là ở mấy bến tàu để trốn lui đi mất ở một nơi nào đó trên trái đất!).

Một nhà văn Mỹ thường viết về "những nhân vật ra đề" mà tôi thích đọc trong những năm gần đây, đó là Saul Bellow. Ông thường được nhận là nhà văn vĩ đại nhất của thế kỷ văn sĩ Mỹ sau chiến tranh; thời trước giới văn nghệ Mỹ thường nói đến hai tên: Faulkner và Hemingway. Thời sau chiến tranh cho đến nay, người ta thường nói đến hai tên: Norman Mailer và Saul Bellow.

Faulkner viết văn rườm rà, lẽ thê, dài dòng, rắc rối, hỗn tạp, không cú pháp, không văn phạm, chữ này chỉ chít với chữ kia, tối đen, rậm rạp, dày dụa, lộn xộn, dày đặc như sương mù, nhưng lối văn của Faulkner đúng là một lối văn thần thánh, thiêng liêng, bất khả xâm phạm, một thiên tài đúng nghĩa một trăm phần trăm; còn Hemingway thì văn chương lại ngắn, gọn, súc, ngưng, tụ, trong, sáng, sạch, trơn, khô, ráo, ít, thẳng, ngay, mỗi chữ nặng như một quả dấm trên vũ đài, mỗi tiếng rớt xuống như "giọt mưa trên lá", mỗi câu như "lộ thảo", mỗi dấu chấm giống như giọt sương trên cỏ, mỗi dấu phết giống như một sợi lông măng trên tay con gái, mỗi một dòng chữ giống như một câu thánh thi. Nhưng đời sống của Hemingway thì giống như lối văn của Faulkner, trái lại đời sống của Faulkner thì lại giống lối văn của Hemingway. Trường hợp của Norman Mailer và Saul Bellow cũng tựa tựa như hai nhà văn đi trước. Norman Mailer thì ăn nói thô tục, ồn ào, tự đề cao là "thiên tài độc nhất", viết văn lung tung, muốn viết gì thì viết, say rượu liên miên, hút thuốc không ngừng tay (đến nỗi gần đây bác sĩ phải cấm hút thuốc), bước tới đâu là chửi bới ồn ào rối loạn, đánh lộn, ngang tàng, du côn, lỗ bịch, tục tĩu dâm dục, dâm vờ, đập vào, đang lúc thiên hạ nghiêm chỉnh biểu tình chống chiến tranh Việt Nam thì anh chàng cũng tham dự say sưa, nhưng lại đứng dãi bày tùm lùm, rồi đứng trước đám đông lại kể chuyện dãi bày của mình, biết mình là thần tượng của thanh niên thì lại đóng tư thần tượng cũng tài tình ra phết; trái lại Saul Bellow thì đứng đắn, nghiêm trang, đàng hoàng, ít nói, dạy ở đại học đường Chicago, không bao giờ ồn ào, lúc nào cũng sáng suốt, tỉnh thức, tế nhị, trầm lặng, đôi lúc rụt rè, thường khi lạnh lùng, lãnh đạm mà *intense*, ăn ở cao đẹp với bạn bè, luôn luôn lịch sự, lễ độ, khiêm tốn, âm thầm sáng tác một cách lặng lẽ, bí mật, giấu kín, *réserve* và *rélicent*, trái ngược hẳn với Norman Mailer. Thế là tất cả nhân vật của tác phẩm Saul Bellow lại là những tâm hồn ra đề, ra lẽ, lập dị, bừa bãi, lờ lờ, mất thăng bằng, tỉnh thức và sáng suốt đến độ như điên loạn, ồn ào, kỳ cục, lêu bêu, làm chuyện động trời, động đất, sống như ma, bốc đồng như quỷ, xuất thần như thánh, lạ thường như tiên.

KỶ SAU: GẶP GỠ SAUL BELLOW TẠI ĐẠI HỌC ĐƯỜNG CHICAGO.

PHẠM CÔNG THIÊN NỘI CHUYỆN VỚI NHÀ VĂN SAUL BELLOW

nào Valéry không thức dậy lúc 3-4 giờ sáng, rồi bỗng một hôm Valéry thức dậy trễ và chết luôn vì cái vụ thức trễ ấy!). Còn Jean-Paul Sartre, Gabriel Marcel, Merleau-Ponty, Paul Ricoeur, thì hôm nào trí óc mất thăng bằng lắm thì tôi mới chịu nổi họ (tôi thường đọc họ lúc nào ngủ xuẩn trống rỗng, những lúc mà tôi nghĩ nếu có súng trong tay thì tôi sẽ bắn nát trần nhà hay búa đầu bần đó!). Về tiểu thuyết Pháp thì tôi chỉ giữ lại ba bốn tên: Blaise Cendrars, Jean Giono, Julien Green, Montherlant, Céline (ô, cái ông Céline này, những lúc thấy thiên hạ ở đâu cũng chửi rủa mình, những lúc thò tay ra sờ bắt cứ một tờ báo nào cũng thấy có người chửi xiêng chửi xô mình thì lúc đó là khi hậu lý tưởng đề cho Céline!). Còn đối với André Malraux, André Gide André Maurois, đối với ba cái ông André này thì tôi xin chịu thua, chỉ đọc ba trang là tôi đã muốn đâm đầu đi lính! Còn Saint Exupéry thì tôi xin nhường cho những anh chàng phi công "hào hoa phong nhã" (nhiều lúc "anh hùng rơm" nổi máu lên thì tôi cũng muốn đầu quân đi lấy phi cơ, nhưng vì vốn ghét tàu bay và bị cận thị quá nặng, tôi đành phải chịu lấy phi cơ phản lực, lượn là đã trên thung lũng của Heidegger hay núi cao của Nietzsche). Những nhà văn Pháp tôi yêu

hoàng ngọc châu

TÌNH ANH

Trong nắng hồng thơm gió tháng hai
Em về áo lụa phướn hương bay
Cho anh chỉ nụ cười hồng tươi
Đề chết lòng xuân những sớm mai

Âm điện nào mang giọng thánh ca
Cho anh sâu giấc tuổi thơ ngây
Lời ru một thuở hương trầm lạ
Giấc ngủ thêu vàng lạnh gối hoa

Là gió reo ngoài một cõi kia
Em như đây phép lạ bùa mê
Tay tiên mười ngón tình sương bạch
Gỗ xuống hồn anh rộng bốn bề

Gỗ xuống là anh đứng lặng im
Là trong thương nhớ biến thành chim
Hót từ đồng xanh sang hè đỏ
Làng vàng bay ngoài hạnh phúc em



nguyễn lương vỹ

TIM TÔI

nhựa cây nhỏ thấm hai hoang
sầu trong ngọn cỏ ướt ngàn lệ tôi
xưa từ bóng độ bên đời
đã đưa tay trộm tiếng người làm quen
nghe em bước lạc một miền
nên trong máu cũng gọi chim về rừng
mạn sông đời một tiếng chuông
thời đêm chưa hiện lửa cuồng bên tôi
thời đêm là gục bên trời
hương trăng xưa ngọt khướu lời ở đây
rớt từ một cốc trên tay
tim tôi thành sữa pha đầy ngực em

lê văn trung

ĐÃ HẾT PHIÊU BÔNG

Từ trăm ngàn cõi phiêu bông
Ta về đây với chút lòng lãng quên
Xe qua mấy nẻo gặp ghềnh
Quán đời ta dựng bên triền núi cao
Sẽ còn lại với mai sau
Một hồn lãng vãng chia sầu cỏ cây

CHIỀU NGỦ TRÊN ĐỒI

Tôi nằm cùng với cỏ hoang
Một chiều lặng gió trời toàn mây trôi
Tràng xa chim đã bay rồi
Mình tôi còn ngủ trên đồi vắng huu
Tiếng giun để gọi trong chiều
Nghe như đồng vọng người kêu tôi về



TRÊN CAO NỖI NHỚ

BUỔI sáng trời âm ỉm hơi nước. Tôi nhìn đoàn trực thăng bay mù trên cao nghe mình chợt ngậm ngùi muốn khóc, nỗi nhớ thật mãnh liệt thường làm xôn xao những ngày tháng cũ phất giầy lại hiện hình nguyên vẹn.

Thành phố này vẫn có một náu giữ nào đó đối với tôi. Cho nên không thể đứng dừng rồi xa. Và ở lại thì như nuôi dưỡng một ẩn ức không nguôi. Bởi vì thực tình tôi chỉ muốn bỏ đi. Muốn tìm tới một vùng nào thật lạ mặt, thật khuất lánh để ít ra cũng không còn nhìn thấy bằng mắt những huyền ảo đang phủ vây lên đời sống.

Cố lý tôi vô tích sự thật. Hân phần nản đại khái như thế chắc không phải khe khát lắm. Thì giờ của hân qui bầu, nên cái việc hân đi tìm và bảo lãnh cho tôi được về sau một đêm bị nhốt ở Chi Cảnh sát đúng là lãng nhách. Tôi thấy thương hân và yêu về mặt nhân nhỏ, bực tức như là một sự trả thù vô cớ. Cũng lạ, tôi chẳng thấy ăn hận cái làm lỡ (?) kỷ cục của mình: chiều hôm qua tôi đã uống rượu tăng tăng với ông Tám cho đến xam xam tới lão say bĩ ti nằm lăn kềnh ra ngủ trong xô quán như một con heo, còn tôi, cho tới khi ấy, hân còn tỉnh táo để trả tiền rồi ra về. Thế mà chẳng hiểu sao tôi lại bị hốt ở một góc đường khi đương hát hồng gì đó trong giờ giới nghiêm. Tôi biết thế vì hân cần nhân khi chờ tôi về trại. Hân còn bảo may mà hân quen tới ông Trưởng Chi ở đây, chứ nếu không... còn lâu. Nhưng có điều chắc chắn là hân, lão Tám, ông Cảnh sát và đám thị dân này nữa sức mấy biết rằng đêm hôm qua trắng đẹp không chịu nổi. Men vừa đủ thấm, trời vừa đủ lạnh, đêm vừa đủ sáng, vũ trụ đã trở nên thân mật dường nào. Cuộc đời rực rỡ mà thâm kín biết bao; bấy giờ chẳng ai đủ ngu xuẩn để nghĩ đến chiến tranh, xã hội, tôn giáo... và cái công việc làm cảm là đào bới những ngôi cổ mộ! Vâng, những ngôi cổ mộ thâm ẩn, ta sẽ để cho các người yên nghĩ thầm lặng nghìn đời, vĩnh viễn. Vì ngày mai ta sẽ ra đi.

TÔI về đây nghĩ hề theo lời đề nghị của vợ chồng hân. Chúng tôi quen nhau khi còn học ở Trung học. Mỗi tình ấy đẹp và họ lấy nhau sau khi thấy rõ tương lai sẽ với với. Đám cưới của họ tôi không được dự, (Nghe đâu rất linh đình) họ có phần nản tôi, họ vẫn cho tôi thiếu thực tế vì họ không thể chịu sao lại có cái thích thú quái đản những mờ mịt xưa, có lẽ họ chỉ quý tôi vì tôi thấy hạnh phúc của họ. Thực lạ lùng, người ta chẳng bao giờ có thể an hưởng niềm sung sướng riêng tấy lương thiện hay thực tình đứng đưng trước khổ đau của đồng loại. Họ mong tôi về chơi hân nhiên vì tình cổ cữu, nhưng cũng hiền nhiên để tôi nhìn thấy tận mắt hạnh phúc của họ bây giờ. Tiếc thay, tôi đến chậm hơn một tháng như đã hẹn trước, nên

Bây giờ thì đã xa những buổi trưa đứng với Dung, với Phương nơi đây hàng lang dài vắng im, cho Dung say mê dõi mắt theo những bước chân của giống chim sẻ. Ngôi trường với những dãy lầu cao. Nhiều buổi sáng mùa đông ba đứa nhìn sang tháp chuông nhà thờ bên cạnh, đếm những cánh chim về xây tổ trên đó. Ước mơ một bình yên gần gũi, thật đậm thắm. Cho qua những ngày mưa bão thành phố một mình cho hết những lần chờ nghe tin chiến sự để thấy người tình về nguyên lành không dấu vết mặt trận. Như vậy mà cuối năm học đó Dung vẫn từ bỏ tất cả để lấy chồng. Tình yêu như điều gì không có thực trên đời sống. Phải không anh? Nhưng đâu sao vẫn xin nhận tình yêu của chàng như một hạnh phúc bất gặp giữa cuộc đời gian nan ưu phiền này. Một hạnh phúc chẳng hề kiếm tìm, theo đuổi. Và chàng đã bỏ đi tìm một cõi khác rong chơi. Hạnh phúc tôi cư mang quả thật đã mong manh vô cùng, hơn những điều tôi nghĩ.

Đến bây giờ thời gian đã xô đẩy những ngày tháng cũ về một phía đời. Làm nên trong hồn nỗi tiếc nhớ thật đậm đà và cũng thật mơ hồ đôi khi không có tên gọi. Và tôi trôi dạt hoài tới những xa lạ đầy ồn ào, để một lúc thấy đời sống sao thật trống vắng, mong manh dù vẫn lao xao nhiều âm thanh. Rực rỡ nhiều màu sắc. Tôi như rơi vào một vùng hoang vu không tương. Ở đó chỉ còn khuôn mặt chàng tuyệt vời cùng với những lời thư Nguyễn viết khi còn ở một Quán trường trên Cao. Bây giờ thì đã xa Saigon thật rồi. Không còn nhìn thấy Hiên trong sân nhà có những cánh hoa giấy đỏ nữa.

đã không những không gặp đủ vợ chồng hân (vợ hân đã về quê chuẩn bị sinh đẻ) để chia sẻ với họ đời sống hòa điệu tươi vui như họ từng cho biết lại còn ai ngại cho hân vì những tính toán, lo lắng, tiếp xúc, điều khiển... lẫn xán. Tôi đã phải nghe, phải thấy nhiều quá về hân (hạnh phúc lứa đôi làm thay đổi tâm tính đến thế hay công cuộc lứa đôi làm mờ mờ trong của con người mới đủ tận cùng?) cái chất trường giả quý mầu, cái bon chen thua thiệt linh kinh, nghĩ mà buồn. Vâng son thời còn đi học, nồng nàn thưở mới yêu nhau, lay trời, xin vẫn âm ỉ sống trong khi nhắc nhở đến, hân háo hức về lại ngày xưa những đêm mới gặp. Hân hỏi tôi về Hương, hân trách tôi sao cứ nhai nhăng cho đến nỗi Hương phải bỏ đi lấy chồng, hân nói về đứa con sắp sửa ra đời của hân, chuyện những bia chỉ cổ mộ... để bao giờ cũng trở lại cái trại của hân: những kế hoạch, những lợi tức... Một tuần lễ tròn.

TÔI định bắt tay vào việc cổ mộ của tôi vào ngày thứ hai thì trời lại mưa. Mưa lẽ thế ba ngày ròng rã. Co ro bên này bờ sông nhìn qua bên kia mưa trải mịt mịt, ngôi cổ mộ nằm chênh vênh trên bờ vực, những con nước lũ mang đầy lá lả rừng phảng phất không một mối, tôi thất thối lo ngại giòng cuông lưu vô tình kéo mất cái má đá kia đi; đầu thế, nhìn hoài mưa trên giòng sông tự nhiên lại thấy đẹp. Một câu thơ của Quang Dũng âm thầm bộc lộ trong những mỹ cảm ngày gần, làm thêm một ly café, một cốc rượu, một góc quán mới « đáng kiêu thơm ». Phải là dò hơn năm cây số đường dốc đồi đá sỏi, bùn nước mới tìm được một cái quán. Và ở đó đêm qua, tôi hoan lạc bước ra để thấy trăng sao đã đẹp như chưa bao giờ.

Công việc của tôi gặp ngay những trở ngại khó khăn: chất liệu (?) xây mộ này tôi chưa hề gặp phải hay đọc qua, nó gần như một tảng đá có hình thù đặc biệt mà ở đây tôi không đủ phương tiện để kiểm xác, ngôi mộ lại không có bia chỉ hay một dấu tích văn tự nào khả dĩ giúp tôi mò mẫm, có chăng chỉ là một khối đá tinh cổ (?) giống như một lư hương. Tôi đã đào bới một nhọc được một lớp đất đá mà dường như ngôi mộ càng xuống sâu

Buổi chiều này anh ở bãi tập. Nhìn lên đỉnh Lambiang đầy sương mù, tự nhiên muốn bắn vào những tầng đá trước mặt để gửi về Hiên vài phiến móng... Như thế đó và nhiều khi tôi là lòng chẳng hiểu tại sao chúng tôi không là người yêu của nhau. Trước lúc chàng đến hoặc sau ngày bỏ đi vĩnh viễn. Bởi có một điều tôi biết thật rõ ràng là những kỷ niệm tuổi nhỏ đã làm nên tình yêu rất nồng nàn trong Nguyễn. Và tôi nữa, những lá thư đã được gửi đi bằng những tấm thiết nhất cho suốt hai năm Nguyễn ở miền đất Cao. Vậy mà hoài hoài người vẫn là một riêng lẻ. Tại sao anh chọn thì trấn khò cần ấy làm vùng hoạt động. Tại sao Hiên im lặng để chọn nỗi cô đơn. Nhưng thôi. Đời sống là đổi thay và chịu đựng. Như anh đã chịu đựng. Như anh đã chịu đựng tình yêu cam nín này trong nhiều năm qua. Từ đây, mỗi chúng ta cũng nên tìm cho mình một thay đổi nào đó. Phải không Nguyễn? Và tôi chọn sự phụng phịu để làm một người khác không phải là tôi xưa. Tôi muốn vùi sâu trong trí nhớ mình những khuôn mặt quen. Những ngày tháng cũ dịu dàng đậm thắm vì kỷ niệm chỉ làm cho hồn muốn khóc và nhiều khi cho tôi thấy thật bơ vơ. Người tình đã chết. Và Nguyễn thì mịt mịt nơi thị trấn lạ mặt làm một Đại đội Phó Chiến tranh Chính trị, xoay hoài theo từng chiến dịch được mở ra. Bạn bè giờ cũng đã chia cách. Đời sống bỗng trở nên thật quạnh hiu. Tôi đưa tôi vào những ngày tháng mới xôn xao. Nhưng cũng lúc tôi nhận ra rằng khi cố tình quay lưng mình bằng một bề ngoài huyền ảo thì chỉ thấy lòng thêm ngậm ngùi mà thôi. Cho nên buổi tối trong khung cảnh

càng có khuynh hướng lan rộng như một loại tăng, nham thạch cổ, kết kết thạch. Một khác, căn cứ vào những tài liệu địa chất, lịch sử và xã hội, địa phương này chưa hề thu hút sự lưu ý của những nhà khảo cứu thứ thiệt. Đôi khi tôi còn e ngại tôi đã bị Lý, vợ bạn tôi, thường vẫn cho rằng tôi là một tên mơ mộng vô văn, năng gọi là người hát xiếc một mình, để cho tôi hồ một mẻ chơi. Biết đâu vợ chồng hân, mà Lý chủ động, đã câu tôi bằng khối đá cổ này. Tại sao không? Cái việc gọi là tìm hiểu, nghiên cứu cổ mộ của tôi chỉ là cái ý thích bất ngờ, mà nhờ đó đây, tôi cũng tìm được vài điều hay hay, chứ thực ra, tôi có học hành gì cho ra trò. Mà cho dù thế, tôi cũng chẳng có gì thiệt cả, ngược lại là khác. A, một kỳ hệ trên trái đất khôn khổ này, trên quê-hương-lâm-thang-diêu-đứng-bỏ-tay-phô-mặc này, lại không thích thú được ngồi-đứng-đi-nằm-lâm-như-trăm-mặc hay sao? Ồi, ta cảm ơn mi, đá!

Chắc là cần nói tới con sông bé bỏng khuất tịch này nó mới điệu làm sao. Mới là đe dọa phủ thủy chiều qua, sáng nay đã yếu đuối thực nữ đến lạ. Đã ai chẳng yêu một giòng sông: ngày mưa nó gọi như một nỗi ngậm ngùi lắng đọng, cái « sông xa từng lớp lớp mưa dãi thì chiều lắng nó sẽ xui ta bằng khuâng cùng Trịnh Cốc với « đương hoa sầu sát độ giang nhân » một con tiền biệt. Xin anh chờ tìm một cổ phát nguyên, anh cũng đừng kiếm một vùng phủ sa tiền ích, đầu nguồn là nút tằm nhìn, hạ lưu ở cuối mắt ngó, ngoại giả, thời để tự nó lo lắng tan, biến biệt. Giòng sông mà đã suốt một tuần tôi qua về bằng chiếc xuồng con nhiều bạn, không ngừng thay đổi đến biến ảo, nó mới lạ từng giây phút một, từng cơn rêu phơ phất dưới làn nước xanh trong, những viên đá cuối y như mỗi ngày một lớn, lau lách hai bờ vì vu bao nhiêu là biến âm, những bầy cá nhón nhơ ngược giòng mê mịt như vào thời điểm của một giống chim linh. Dân đã tôi đắm ra yêu giòng sông và phai nhạt con mè say đào bới những mộ mà xưa xam xam buồn bã. Ai chẳng sinh ra đời để có thể rong chơi một thời cho thỏa thích.

Trong thời gian này tôi quen với ông Tám. Lão trước kia là xích xe pa-lua, lão được đi lại nhiều nơi, quen biết nhiều hạng người trong cái xã

rực rỡ đám đông, tôi đã nghe hồn chúng xuống
mộng mênh mông nào vô cùng hiu hắt. Muốn
rời khỏi nơi đang có mặt khi bài hát ngày xưa
vang lên với từng âm thanh rời rã. Làm sao em
nhớ những vết chim đi. Phải rồi, làm sao em nhớ
những vết chim đi. Một lần Nguyễn viết thư bảo,
tình yêu của Nguyễn như một thứ than đá vùi chôn
trong lòng đất. Bền bỉ và rắn chắc. Nhưng tôi làm
một người hồ hững đi qua.

Sao chúng ta không quên nhau? Có phải vì tình
yêu chỉ đích thực một lần và hạnh phúc thì ngàn
đời treo cao trên đỉnh trời không Nguyễn? Như
chàng đã bỏ đi mang theo cùng nỗi chết tình yêu
tuyệt vời hai đứa. Và tôi còn lại một mình. Những
ước mơ xưa bỗng nhiên mà xa tắp.

Buổi chiều sau cùng của những ngày phép mẫn
khó, Nguyễn nói với tôi khi hai đứa ngồi trong một
quán cà phê. Anh thấy Hiền nên tìm lại thăng bằng
cho tâm hồn. Từ ngày mai anh đã rời khỏi nơi này
rồi. Hiền phải làm một điều gì cho anh yên lòng về
Hiền chứ. Lúc ấy tôi nhìn màu trời tím dần lại,
nghe là mình có thể khóc với những lời của Nguyễn.
Tôi nói, nhiều khi Hiền thấy Hiền rất bình thản.
Nhưng thật ra sự bình thản đó chỉ như một lớp
đệm tạm thời mà thôi. Tôi ngừng lại bỏ dở những
điều muốn nói nhìn Nguyễn lặng lẽ đốt thuốc. Rồi
cả hai điều không nói gì với nhau. Những sợi khói
bay nồng nàn làm tôi ngây ngất. Tôi bỗng nhớ đến
chàng. Chàng cũng hút thuốc này. Hiền biết không,
đầu tiên anh choa nó chỉ vì màu bao đỏ của nó đấy.
Một lần chàng bảo với tôi như vậy. Và tôi đã hỏi
(Xem tiếp trang 11)

nguyễn tịnh đông



BÃI ĐỒNG MINH

hội xô bồ phiêu bạt, lão biết nhiều chuyện đầu voi
đuôi chuột kỳ quái có thể làm ta thả trôi những
buổi chiều hiu quạnh với một tí chịu đựng ồn ào
náo nhiệt thôi. Mặt dầu lưng tuổi, lão hãy còn
tráng kiện, ăn nói thì ngang phệ, đôi khi tục tĩu;
lão chỉ tiền rộng rãi cho khoản nhậu nhẹt, nhất là
khi nào gặp được một mạng dăm cầm cự với lão
suốt buổi suốt ngày. Tôi bị lão chú ý vào buổi chiều
mưa rớt rớt mãi không cho ra về trong cái quán
có vài mấy cái võ bia bày trên bàn trước mặt. Lão gọi
chuyện làm quen rồi ba hoa thiên địa đủ thứ để sau
cùng được bỏ tiền cho hàng chục chai bia vắt ngón
ngang dưới gầm bàn. Đố ai nhớ được những gì
chúng tôi đã thuyết với nhau, tôi chỉ nhớ cả lão Tám
lần tôi đều ồn ào bên vực cái món thịt cây đặc biệt
của mình. Về sau, cứ y như mỗi lần tôi đến quán
là lão chờ sẵn. Đường như có một tương quan nào
đó trong cái chuyện trò với anh, tôi chỉ hỏi của ông Tám
với những vấn đề triết lý cao viễn của các bậc tu
hành mà tôi đã gặp, làm tôi liên tưởng đến họ thật
nhiều. Tôi lại có thêm một ông bạn già.

Xem tiếp trang 15

nguyễn vạn lỵnh



VƯỜN ÂU SÀU

LIÊN CHI. em làm sao thế? — Em làm sao thế?
Năm xuống đây mà nghĩ cho khỏe đi em —
Em làm sao thế? Hay là anh đưa em về nhà nghe
— Em về nhà đi, Liên Chi — Anh đưa em về. Em
về mà nghĩ khỏe. Hoặc là em cứ nằm xuống đây
nghỉ đi, cũng được — Anh đi lấy thuốc cho em
uống, lấy dầu thoa cho em nghe? Sao Liên Chi,
Em lại chốt ư rừ, bệnh hoạn một cách kỳ quái và lạ
lùng như thế! Em làm sao Liên Chi? — Một hả? —
Chồng mặt hả? — Đau ruột, đau gan, đau đầu hay đau
tim... em nói cho anh biết đi. Ồ! Sao em lạnh lùng,
Cảm nín như thế? — Sao em không nói cho anh rõ?
— Liên Chi, em làm anh ghê sợ quá. Em chồng mặt
ư? — Không. Đau bụng? — Không. Nhức đầu? —
Không. Vậy em yêu tim? — Không. Sao kỳ lạ vậy?
— Sao không đau ốm chi mà con người em u sầu,
vật vờ, bứt rứt khó chịu như đau đớn vô cùng vậy?
Ồ! thật khó hiểu cho anh — Thật khó hiểu quá —
Khó hiểu quá. Liên Chi làm anh muốn đau óc,
muốn điên lên rồi. Anh khổ quá thật — khổ quá!
Mà tại sao em lại trở chứng một cách kỳ lạ vậy
chứ? Thật không thể nào anh hiểu em được!...

PHẢI. Phải. Đúng. Đúng lắm. Làm sao anh có
thể hiểu thấu nỗi con người của Liên Chi này.
Trời ơi! tại sao tôi phải sống, phải sống, phải
chịu những đau đớn quá cùng như vậy được chứ?
Tôi có tội tình gì không anh? — Tôi có tội gì
không? Tại sao tôi lại quá đau đớn, khổ sở như
thế này? — Ừ! mà phải rồi. Người ta đã có vợ, có
con rồi. Anh đã có vợ, có con rồi.

Vậy là tôi đã phạm tội yêu anh, yêu một người
đã có vợ, có con rồi. Tâm hồn tôi đã trao trọn
cho anh — Cuộc đời tôi gần như anh đã nắm chặt hẳn.
Anh đã có vợ, có con. Trời ơi! tại sao anh lại tàn
nhảm mà đầu điểm Liên Chi chuyện này chứ? Tại
sao anh ác vậy?

Tại sao anh ác độc, khốn nạn quá vậy? Anh
yêu Liên Chi trong khi anh đã có vợ, có con rồi.
Trời ơi! anh đã làm khổ Liên Chi — Khổ cho Liên
Chi này quá. Anh đã hại Liên Chi — Anh đã giết
Liên Chi rồi. Mặc dù Liên Chi chưa phải trao thân
cho anh.

Tâm thân Liên Chi chưa hoen ố. Nhưng tâm
hồn của Liên Chi đã trao trọn cho anh — Tình yêu
chân thành.

Liên Chi đã chấp nhận dành cho riêng anh.
Liên Chi đã quá yêu anh... Trời ơi!...

Bây giờ anh ngồi yên đây đi. Anh hãy ngồi
yên đây đi.

Liên Chi này không bệnh hoạn gì cả đâu. Anh
cứ yên tâm mà ngồi ở ghế đó. Liên Chi sẽ nói,
sẽ nói.

Liên Chi sẽ không cảm lạnh để làm anh ghê sợ.
Liên Chi sẽ nói cho anh nghe, cho
anh biết, cho anh hiểu được một chút
xiu gì về tâm hồn của Liên Chi

trong lúc này. Đây anh, Liên Chi nói đây. Điều khả
đi mà trước tiên Liên Chi muốn yêu cầu anh là vì
tâm hồn Liên Chi lúc này đang cuồng rối như tờ vò
— Liên Chi yêu cầu anh hãy ngồi yên và đừng nói
một lời nào nữa cả. Anh hãy cho Liên Chi xin anh
một điều thuốc. Liên Chi xin phép anh để được hút
một điếu thuốc đầu tiên trong đời. Liên Chi hút để
xin được quên đi một chút cái gì đang cháy bỏng
trong tim Liên Chi — Và Liên Chi hút để được
lấy lại một chút nào sự thăng bằng, bình tĩnh của
trí óc để có thể Liên Chi nói chuyện cho anh nghe,
những điều Liên Chi muốn nói...

TÔI ngồi trơ cảm như tượng đá. Lòng tôi như
băng lạnh. Sợi dây nào đã giăng mắc tôi với
Liên Chi yêu nhau. Và con dao nào đã tàn bạo hung
hãn sắp hạ xuống để cắt đứt sợi dây tình yêu đó.
Liên Chi ơi! tôi đã hiểu em rồi, tôi đã hiểu em nhiều
lắm rồi. Và đến bây giờ thì tôi lại càng thấy yêu
em hơn, nhiều hơn, gấp một triệu lần hơn trước
nữa. Tôi lỗi là do ở tôi cả. Tôi đã mang tội yêu
em, trong khi tôi đã có vợ, có con rồi. Tôi có thể
đổ tội cho tình yêu không? (Tình yêu là tội lỗi?)
Liên Chi, em hãy bình tĩnh — Xin em hãy sáng
suốt và yên lòng. Tôi thiết nghĩ tình yêu giữa tôi và
Liên Chi chưa đến độ để cuộc đời em phải tan nát...
Cũng bởi vì quá yêu em nên tôi phải tự đầu điểm với
em như thế. Một lần nữa tôi muốn nói với Liên Chi
là tôi quá yêu em Chân tình. Mong Liên Chi hiểu
giùm tôi điều đó. Tôi cũng rất lấy làm buồn đau
khôn cùng.

Liên Chi ơi! tôi biết...

CẢM ơn anh. Cảm ơn Tình Yêu. Cảm ơn Sự
Thật.
Cảm ơn những giả dối, những phản trắc của
cuộc đời.

Tình Yêu là sự dễ tiện là sự bền cùng của
nỗi khát khao của ước muốn bóc lột mà thể xác,
tâm hồn nuôi dưỡng không biên giới để thỏa mãn
trong ích kỷ vốn hèn hạ và đần độn.

Sự thật đã phơi trần lòng mê muội và u ám
bối tối.

Liên Chi đành đau đớn xót xa mà phủ chấp
cuộc tình si dại.

Liên Chi không ân hận nhưng nỗi tê đặng của
tâm hồn đã quay quắt quanh bực Liên Chi đến
điên đảo, đến thể thảm mà lòng mình đành khuất
phục chung thân.

Và thưa anh,

Liên Chi xin lỗi anh về những ngôn ngữ u mê
và rẻ mạt mà Liên Chi đã thốt nên với anh đó.

Dường như tất cả những gì trong con người
của Liên Chi hôm nay đều quay lộn đảo ngược và
thay đổi hết thảy — Thay đổi trong sự bất lực
của tâm thần của thần trí xô động và mê hoảng
tuyệt đỉnh.

Cảm ơn anh. Cảm ơn Tình Yêu. Cảm ơn
Sự Thật...

LIÊN CHI em.

Sự thật đã phơi trần lòng mê muội và u ám.
Phải. Anh chi là một kẻ phản trắc, một kẻ lừa
dối, một kẻ lưu manh, khốn nạn...

Tình yêu đã làm anh quay quắt trong sự điên
rồ man trá.

Lòng khát khao là những khối sắt đá đã làm
anh chết chìm giữa đáy u mê. Anh vô tâm đã thúc
mình ngã quỵ mà chốn tận cùng không bao giờ
tìm thấy.

Anh vẽ vờ khuôn mặt mình một cách thật
vụng về.

Anh đầu tưởng được sự lụn bại thể thảm của
tình yêu mang tên thật bí nhiệm.

Anh đã trở thành vô nghĩa.
Hy vọng trong ước tưởng đầy phiến muộn và
xót đau.

Anh ngỡ ngàng bước lội giữa vùng huyền
hào mù mờ.

Hãy giết chết anh.
Anh đã tự đầu huyết cho mình rồi đó.

Không tha thứ được gì cho kẻ giả dối, khốn
nạn, lưu manh và phản trắc.

Hãy giết chết anh.
Hãy giết chết anh. Δ



NGUYỄN THỊ THUY VŨ

XUÔI GIÒNG

Hôm nay, tôi vừa ở nhà in ra. Phải ghé lại chợ Thái Bình mua thức ăn. Thỉnh thoảng chàng dạy tôi làm nộm. Chàng vừa làm bếp vừa khoe nhiều tài khác của mình. Tuy vậy chàng biểu tôi phải đóng cửa lại, kéo người đi ngoài hẻm thấy chàng nhúng tay vào công việc đàn bà.

Đáng lẽ chúng tôi ăn cơm tháng, hay ăn tiệm. Song có làm bếp, tôi mới cảm tưởng mình có gia đình. mình vẫn là một người đàn bà sống hạnh phúc đầy đủ. Tôi đã từ chối viết feuilleton cho nhiều tờ báo khác nữa, cốt để làm bếp. Đó là món giải trí của tôi. Đã lâu tôi nhớ những khuôn bếp xám khói vì chụm bằng củi, bằng than. Tuy nó xấu xí, nhưng ấm cúng và tôi yêu cái xấu xí của nó.

Cách đây nửa năm tôi bị bệnh đau mũi và chứng phong thấp. Những cơn mất ngủ, những cơn cảm cúm đã làm khổ tôi. Bây giờ tôi đã khỏi bệnh nhưng không cần thêm được một ki lô nào. Bây giờ tôi chỉ kiếm ăn nhờ cây bút. Bởi đó, tôi không còn viết theo hứng như xưa nữa. Có nhiều lúc chóng mặt, nhức đầu mà vẫn phải cầm bút, viết không cần bố cục. Rồi khi không tài nào nặn ra một câu văn, tôi mới bỏ xuống bếp. Công việc trong "tiểu giang sơn" này giúp tôi tìm được sự lắng dịu trong tâm hồn, và sự tươi mát của não cân.

Tôi vừa về tới nhà thì đã hơn mười một giờ rồi. Tôi mặc chiếc áo bằng lụa nhẹ, cởi bỏ mọi thứ "phụ tùng" làm đẹp cho thân thể tôi mới tìm lại chút khỏe khoắn. Một người bạn gái từ dưới quê nhà tới bất chợt đến thăm. Tôi vừa nói chuyện với cô ta vừa làm bếp. Đây là con bạn thời thơ ấu của tôi. Nó cũng chưa chồng nên không chịu già... Nó nhắc nhở biết bao nhiêu là kỷ niệm ở quê nhà nhưng có sao tôi không còn xúc động mấy.

Con bạn về nhà trước bữa ăn. Con buồn ngủ kéo đến. Tôi ăn qua loa rồi đi vào giường, không kịp rửa chén bát.

TÔI lại nhóm bếp. Trời đã xế chiều. Tiếng xe nổ rầm rầm bên hè. Chàng đã về, mang theo một xấp bản vẽ. Về mặt chàng hôm nay tươi tỉnh. Chắc là trong sở có việc gì đấy. Tuy vậy, mà tôi không hỏi chàng. Chàng thay quần áo. Bộ quần phục và chiếc nón lưỡi trai mặc lên trên mặc áo. Rồi đó, chàng chăm chú sửa bản vẽ tới khi tối mịt ngoài trời.

Noel năm nào, chàng tới nhà tôi mang theo một chai Johnny Walker và đêm đó chúng tôi đi chơi dưới màn trời đêm lạnh buốt, trước khi về nhà uống rượu. Lật bật mà đã bốn năm rồi. Thời gian trôi qua, lòng bình thân khác hẳn lúc tôi gặp chàng. Chàng cho là tác phẩm đầu tiên của tôi chưa chan tình cảm, còn những tác phẩm về sau khó khăn. Chàng đâu có hiểu hiện giờ tôi đang ở trong cái hạnh phúc trầm lặng, cái hạnh phúc tôi cảm tâm giành ở kẻ khác, dù lòng tôi thỉnh thoảng xót xa, áy náy...

Tác phẩm thứ sáu đánh dấu một năm làm việc tui bụi của tôi. Từ đầu năm tới bây giờ, tôi không viết một truyện ngắn trên một tạp san đứng đắn nào. Không xem chớp bóng, không đi dự tiếp tân, dạ hội, không có một bãi biển nào dành cho mùa hè, không một chút hứng thú nào để nghĩ đến cái Tết, nhìn quanh quất tôi chỉ thấy công việc bủa vây. Phải tiếp tục đeo đuổi ngành xuất bản mọc ra như nấm và sách vở tràn ngập thị trường. Với chiếc Mini Lambretta tôi tự phát hành lấy những sách của mình đã xuất bản. Tôi lên lời vào

các nhà sách trong Chợ Lớn, ngoài Saigon, một mỗi, rồi... Buổi tối là khoảng êm dịu thoải mái nhất của tôi.

Tôi bày bàn, dọn ăn. Chàng buống bút xuống. Quả nhiên chàng kể vài chuyện vui ở sở. Chúng tôi cười còi mồm. Đây là buổi tối yên tĩnh như thường lệ. Chúng tôi nhắc nhở một vài người bạn. Bữa cơm trôi qua. Chúng tôi vẫn ăn rất ít. Tôi đẹp bạn rửa chén. Trời lạnh lạnh, tôi bắt ấm nước chấm trà trong lúc chàng cúi mũi đọc báo. Tôi lên gác xếp quần áo cho vào rương và moi một cuốn sách đọc lãng mạn rồi xếp lại tôi hiểu phớt qua những trang vừa đọc, trí óc bay vào cơn mơ không rõ rệt.

Tôi tự hỏi, có phải đây là hạnh phúc tròn trịa của một người đàn bà? Chàng đã thay đổi nếp sống, tôi tạo cho tôi một vài thói quen là mỗi sáng tôi thường uống cà phê, mỗi tối đọc một vài trang sách. Tôi đi vào giường, ôm chiếc gối vào lòng suy nghĩ bóng lờ.

Có một vài chuyện tức cười là khi sửa chữa một vài đoạn trong cái truyện dài của tôi, chàng rống lên nhức mồm, cho là tôi viết quá nhiều câu què, câu gầy. Tôi cự lại, thế là hai đứa giận nhau. Có một điều chắc chàng không ngờ, tôi đâu còn đầu óc để viết feuilleton. Muốn cho kịp ngày giao bài, tôi viết loạn cả lên. bởi bác cho đây trang giấy.

Lúc này tôi đang rất mệt. Khi vào m. 11 giờ, tôi mệt cái bốp lộn, và khi ăn xong tôi thần nhiên bước ra với chiếc nón rơm cầm tay. Nếu không nhờ người hầu bàn kêu lại, tôi mất cả giấy tờ hộ thân rồi.

Nhiều lúc tôi chột buồn. Chàng muốn tôi viết thế này, thế nọ, nhưng những điều chàng chỉ dẫn quá khỏi tầm với về kiến thức tôi. Tôi vẫn loay quanh trong cái thế giới ngày xanh của tôi tại tỉnh Vĩnh Long, không trôi xa hơn được.



TÔI thức dậy. Buổi rạng đông lạnh buốt. Tôi nấu nước pha cà phê. Chàng vẫn còn ngủ. Tôi đi nhẹ nhẹ. Tôi chợt nghĩ tới cái tết sắp tới. Đã lâu rồi tôi không chờ, không đợi gì hết, mặc kệ cho giông đời đưa đẩy. Tuy vậy, thỉnh thoảng tôi đặt cho mình nhiều dự định và tôi chẳng thấy mình bằng bột chút nào.

Dầu sao đi nữa, sang năm, tôi phải dành cho mình nghỉ một thời gian. Tôi ốm nhom, sức khỏe không được những chuỗi ngày nhàn hạ bồi đắp. Căn nhà nhỏ hẹp tôi tâm này đã đem lại cho tôi tâm hồn an ổn, nhưng nó làm cho tôi vướng một vài chứng bệnh vặt vặt, bực mình. Trong Tết này, tôi rước được một cảnh mai, một cặp dưa hấu dán giấy hồng đơn viết chữ nhỏ đề trang hoàng như hồi ở quê nhà. Thế là đủ giúp tôi sống lại những cái Tết xưa.

Chàng đã dậy. Tôi xách "gà men" đi mua phở. Khi mãn điểm tâm đã dọn lên, tôi chợt buồn. Một buổi sáng bất đầu. Tôi lại phải vui đùa vào những công việc bận rộn. Trong đầu tôi hiện rõ những bậc thang của phòng Thông Tin, tiếng máy rân rở ở nhà in, những chữ in trên trang giấy...

Tôi đặt tay lên vai, thờ dãi. Vai tôi mong quá, mà cuộc sống giằng mắc nhiều công việc, tôi gánh sao nổi nếu không có chàng bên cạnh. Nghĩ vậy, tôi nhìn chàng mỉm cười. <

SAU khi ăn vội vài miếng sandwich với nước ngọt ở một cái quầy cạnh bến phà, Leventhal qua biển đến Staten Island. Chàng bước lên mặt phà, hai tay dút trong túi cái áo ngoài nhàu nhẽ cái kín nút. Đôi giày trắng lấm lem. Đứng cạnh một cái chuồng bảo động, vùng trần tối loáng lên yếu ớt dưới bộ tóc dài chải sơ sài, chàng nhìn ra mặt nước với một vẻ bình thản. Trông không có vẻ bị đè nén như chàng tưởng. Mặt nước màu xanh vàng vọt không hình thù, xao động trông thật nản; mấy con hải âu chao qua chao lại, chiếc phà bỏ lên phía trước vào vùng sáng. Một cái tàu nhỏ đang xẹt sơn màu cam đỏ vào lườn một chiếc tàu chở hàng, chiếc đầu cao nhọn nhô lên khỏi đám bụi sơn. Và mặt trời đốt nóng trên những xích sắt, bằng đồng, những thanh thép — hơn ở một Singapore hay Surabaya nào đó; Một chiếc tàu chở dầu vượt ngang dòng chiếc phà, hướng ra biển và Leventhal nhìn hút theo tưởng tượng đến căn hầm máy; thật khủng khiếp, vào một ngày như vậy, những thợ máy mình trần dưới hầm tàu cùng với cái vật khổng lồ nhầy nhụa trong dầu mỡ, mồ hôi; guồng máy quay cuồng tiêu hao. Mỗi một chuyển vận phải giống như một sự căng thẳng lặp lại trên tim trên thịt xương những người làm việc dưới đó, ở đằng kia gần lườn thuyền, dưới mặt nước. Những cái đã trên bờ nhờ cao thành từng khối không lồ kết liệt, ám khói đen, xám và trắng nhờ nhờ ở những chỗ có ánh sáng chiếu thẳng vào. Leventhal thoáng có cái nhận xét là cái thứ ánh sáng này, cùng với thứ ánh sáng trên mặt nước có liên lạc với màu vàng ánh trong khe mắt khép hờ của con thú dữ, một cơn sự từ, một cái gì phi nhân, không đếm xỉa gì đến con người — tuy vậy mà đã chiết sẵn vào từng con người —, một phần thật nhỏ của nó, và nó, một phần trong chàng sẵn sàng chịu áp lực của sức nóng và ánh sáng lóa. Dù cho chàng có ngớt nghĩ đến mức náo, hoặc ngay cả những gì mất mát, đông cứng, những gì khốc liệt, tất cả những gì, tất cả những cái không thể chịu đựng được.

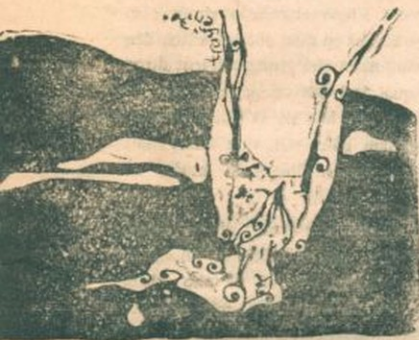
Bờ biển Jersey vàng, nâu úa và phẳng ló ra phía bên phải. Tượng nữ thần Tự do nhô lên và thật lúi lúi như xưa; trong không khí run rẩy bức tượng thành đen dứa, một màu đen vật vờ đứng lên như khói ám. Những tấm ván lênh bênh, những thùng gỗ xộc xệch rách nát dạt về sau khi chiếc phà tiến tới.

Bác sĩ chuyên khoa sắp đến. Nhưng ông ta có làm gì được không đều tùy thuộc vào chị Elena. Trường hợp bệnh dịch đều phải đem vào nhà thương, cảnh sát đã được gọi đến. Nhưng vị bác sĩ đầu tiên hình như đã chịu đầu hàng Elena, và hẳn là ông ta biết luật. Vô tình Leventhal sửa soạn đương đầu với Elena với tất cả sự cứng rắn. Elena chưa chịu thua, mọi bác sĩ chuyên khoa đều phải bỏ đi. Cái việc can thiệp sắp đến, việc xen vào để cứu đứa bé có đây về mâu thuẫn cho chàng; nó làm chàng cảm thấy hơn bao giờ hết là chàng chỉ là một kẻ đứng ngoài. Nhưng biết phải làm gì đây với Elena? Ngay từ lúc đầu, nếu có một sự săn sóc thông thường thẳng bẻ đã không ngã bệnh, nhưng cứ xét theo những gì chàng thấy... sự sợ hãi nhà thương đã nói lên phần nào cái khủng khiếp làm mẹ của chị Elena. Người ta có thể nói là Elena thương con, và tình thương đó đủ bảo chữa cho những khuyết điểm đã có — nếu không xét kỹ, những khuyết điểm ấy. Tình thương, bằng bất cứ giá nào. Nhưng chính vì mẹ và con được "vượt chặt" bằng cái giây thương yêu đó, nếu vạn nhất đứa bé có chết vì sự ngu xuẩn của mẹ thì hỏi mẹ nó có còn là một bà mẹ hiền không? Có cần mặt người nào — chàng nghĩ thật nghiêm trang — dành lấy quyền giữ đứa bé? Hay là phải xem như đứa con mạng của hai mẹ con là một, và cái chết của đứa bé là việc riêng của mẹ nó, chỉ bởi vì mẹ nó là người khổ đau nhất nếu có chết chóc? Trường hợp này đứa bé không còn là một con người, và như vậy là đúng đắn? À, đó là ý nghĩa của sự bất lực; đó là ý nghĩa mà người ta vẫn nói. Giờ, với điều đó ta có thể hiểu tại sao trẻ con

đôi khi khóc ré lên như chúng vẫn làm. Như vậy, như chúng vẫn biết như vậy. Không đứng đắn, Leventhal nghĩ, nếu không nói là bi thảm.

Chàng bắt đầu xét đến bà mẹ khôn khổ của chàng, bà mẹ với những nét rộng rãi và tóc đen mà chàng còn nhớ rất rõ mờ. Bao giờ chàng cũng thấy cái nhìn xa vắng ở bà, nhưng chàng cũng không chắc là nó có vẻ xa vắng. Có lẽ chàng đã gán nó cho bà. Và khi chàng xét đến những ý tưởng về bà gât gao hơn chàng nhận ra ngay «xa vắng» là chỉ để thay cho «ngây đại»; một khuôn mặt thân thuộc mà lại chẳng có gì cho chàng cả. Chàng sợ hãi khuôn mặt ấy, chàng sợ một nét nào đó của nó đã nằm trong chàng. Đã có một hồi chàng hồ hững với Harkavy vì hẳn đã nói đến sự nguy hiểm dai dẳng. Hiểu rõ chuyện đời chàng sao hẳn còn có thể thoát ra điều đó trước mặt chàng. Nhưng ngay sau đó chàng tự an ủi là Harkavy không có ân ý gì, và hẳn chỉ vô tình mà nói như vậy. Cho đến khi hẳn nói ra, chàng chẳng có một ý tưởng nào. Vì vậy chàng đã tha thứ cho Harkavy; nhưng chàng vẫn thấy rõ là chàng dễ bị xúc động vì những nhận xét thuộc loại như vậy. Chàng sợ rằng sự thật về chàng đã quá rõ ràng, đến độ một người như Harkavy cũng nhận ra được.

Chàng đã nói cho Mary biết những nỗi sợ hãi của chàng một đêm hai người còn nằm thức trong giường. Vợ chàng đã cười chế nhạo. Tại sao chàng lại chấp nhận là mẹ chàng bệnh hoạn, như lời cha chàng giải thích? Và chàng cũng chưa từng rõ những sự kiện chung quanh việc đau ốm đó, sự thật là như vậy. Chàng chỉ biết qua loa, như cha chàng nói là bà chết vì quần trị. Nhiều chuyện đáng sợ để mất sự khùng khiếp qua lời giải thích của bác



sĩ. Mấy năm trước ai cũng nói đến bệnh đau óc; giờ mọi người đều rõ là không có thứ bệnh nào như vậy. «Muốn được yên ổn tâm thần, Mary nói, em chỉ cần tìm xem thực sự bà bị bệnh gì». Nhưng, dù lúc đó Leventhal đã hứa là sẽ theo lời nàng dò hỏi kỹ lưỡng, đến bây giờ chàng vẫn chưa động đậy gì. Còn những nỗi sợ hãi thì chàng rất sẵn sàng, như lời Mary nói, tin là bất cứ cái gì cũng có liên quan đến chàng. «Đó là vì anh không tin nhất định vào mình. Nếu tự tin hơn thì chẳng có gì đáng bận tâm hết», nàng nói với tất cả sự chắc chắn của một người tin ở sức mạnh của mình. Và có thể là nàng nói đúng. Nhưng ai có thể chắc là mình biết rõ? Sao mà hẳn có thể biết tất cả những gì cần thiết để có thể nói là hẳn biết? Như vậy không được, Leventhal cảm thấy trong đó một sự tự tin gần như là kiêu căng; tuy nhiên chàng không trách gì vợ; chàng thấy nàng đã rất thành thật.

«Nếu quả mà có cái gì không nên thì chính là việc bà đã lấy ông chồng như ba anh», Mary đã chấm dứt như vậy. Nhận xét này làm Leventhal chảy nước mắt lúc chàng ngồi trong bóng tối, chân vắt chéo, người ngả về phía trước tránh cái gối sau lưng. Dù sao thì những lời của Mary cũng rất ích lợi. Cho đến khi tìm được chứng cứ rành mạch hơn những nỗi sợ hãi của chàng chỉ là những lo sợ vẩn vơ của người hay đau yếu. Cái ý nghĩ đó thật ích lợi, nó làm mọi sự hóa ra ngộ nghĩnh, mất vẻ nghiêm trọng. Nhưng sự thế vẫn y nguyên như cũ. Dù sao thì rồi cũng y như cũ, khi chàng chợt nhớ lại khuôn mặt mẹ chàng ở một lúc nào đó mà chàng chỉ có thể gọi là xa vắng.

KHUẤT LÂM

Saul Bellow sinh ở Lachine, Gia Nã Đại, năm 1915; trưởng thành ở Chicago. Ông thuộc gốc Do Thái. Ông vừa là nhà văn vừa là nhà phê bình và đã dạy học ở các viện đại học Princeton, Chicago, Minnesota. Tác phẩm đầu tiên, *The Danzling Man* xuất bản năm 1944, và quyển thứ hai, *The Victim* năm 1947. Năm 1948 ông được học bổng sang Ba-lê một năm; ở đây ông viết quyển *The Adventures of Augie March*, được giải văn chương Quốc gia năm 1954. Tiếp theo là *Seize The Day* (1956) và *Henderson The Rain King* (1959). Quyển *Herzog* (1961) đem lại cho ông giải văn chương Quốc tế và được xếp vào một trong mười tác phẩm văn chương hay nhất trong thập niên 1960-70. Tập truyện ngắn mới nhất của ông, *Mosby's Memoirs And Other Stories* cũng rất được hoan nghênh. Saul Bellow được xem là một nhà văn tri thức, và xếp hạng trước những Updike, Mailer, Salinger, Knowles, Roth, những nhà văn Hoa kỳ tiêu biểu nhất bây giờ. Δ

Chàng cúi đầu chăm chú trên sàn tàu boc đồng nhẵn nhụi. Lúc này chàng muốn cư xử thực thận trọng, và chàng nghĩ rằng dân óc Elena đã quá căng thẳng. Chỉ đã hoàn toàn rơi vào hoàn cảnh tinh thần của bất cứ người nào có con ốm đau. Nhưng khi chàng cho phép mình đi xa hơn nghĩ xa hơn sự căng thẳng thần kinh và những xúc động sâu xa của người gốc Ý đại loại, chàng thấy có một cái gì tương tự giữa Elena và mẹ chàng và, từ đó cho thấy sự tương tự giữa chàng với Max và hai đứa bé. Cái sự tương tự sau không quan trọng lắm. Nhưng nó giúp chàng nhìn thấy rõ hai người đàn bà dễ thấy là có lẽ họ giống nhau. Ít ra thì họ cũng giống nhau ở điểm cả hai đều bị đẩy đến chỗ quá độ khi xúc động (chàng vẫn không quên những gào thét của mẹ chàng) — sự thực là như vậy.

Những tay quay bắt đầu quay lạch cạch, một

cốc và nó đang đổ sữa vào để trộn, ngón tay cái có nẩy cái khe nắp hộp sữa bằng bia cứng; nó bóc vỏ và cắt một quả chuối thành từng khoanh mỏng, rắc đường, và vút toẹt vỏ chuối vào chậu rửa đầy những soong chảo, bát đĩa. Những giải đăng ten bằng giấy dọc theo mấy ngăn ở tủ áo kêu lạch xạch dưới sức gió của cái quạt điện. Gió làm bay lạch xạch những tờ giấy hoa đã bong dán trên tủ áo. Gió chav trên cái tủ đựng ly tách đen như bồ hóng, nhanh nhẹn như loài côn trùng và làm những rèm bọc cao su rung lên òn ào; như thể có một con ruồi đang bay vo ve dưới cái trần nhà loang lổ; nóng nực, và bên cạnh những ống nước uốn cong tróc lở, rấp nổi vụn vặt mà Elena dùng làm giấy phoi những giẻ rách. Đầu gối của thằng bé vừa ngang với mặt bàn và nó cúi gằm người, gần như gục xuống bàn mà ăn, hai chân dặng ra. Leventhal nhớ lại là nó đã dùng cái ghế đầu thay vì một cái ghế dựa, vì nó cảm thấy cần phải làm ra vẻ gì quá quắt trước mặt chàng. «Mình cũng thường giả vờ khi có khách đến thăm nhà», chàng nghĩ thầm. «Và ở đây cũng vậy, mình cũng là một người khách đến thăm».

«Buổi tối cháu chỉ ăn có vậy sao?»

«Khi nào trời nóng như vậy cháu không ăn được nhiều. Nó có một lối trả lời khá rành rẽ».

«Cháu phải ăn bánh mì với bơ, mấy thứ đó, với lại rau nữa» Leventhal nói.

Philip ngừng ăn để nhìn chú một cái thật nhanh. «Má cháu không thổi nấu gì nhiều khi trời nóng», nó nói. Nó đặt hai bàn chân trên thanh gỗ cao hơn và gục xuống thấp hơn nữa. Tóc nó mới cắt, cắt thật sát trên đỉnh đầu và cạo sau gáy lên tận trên hai cái tai lớn, nhưng trắng trẻo.

«Cháu hớt tóc ở đâu vậy?»

Philip lại nhìn lên. «Ồ, lão Jack Mc. Cull ở cùng một dãy này. Tụi cháu đều hớt của lão; cả bố cháu nữa, khi bố cháu có nhà. Cháu bảo lão cắt như thế này. Cháu đòi lão cắt kiểu mùa hè».

«Hớt như vậy phải rút giấy phép hành nghề của lão đi.» Chàng nói quá mạnh mẽ và cái ý đùa ròn như không thể kim được, và chàng ngừng lại cố tìm một giọng thích hợp.

«Ồ, lão Mc. Cull được lắm, Philip nói. Lão săn sóc bọn cháu. Cháu đang mong thằng nhỏ mau lành để đến lão chơi. Nhưng mẹ cháu nói cháu phải để tóc gọn ghẽ bà mới mua cho cháu một cái violon, cho hợp với tóc của cháu. Kiểu tóc này hợp với thời tiết bây giờ. Hè năm ngoái cháu trượt trượt — cạo trọc hết».

«Ờ, coi cũng được lắm». Leventhal nhìn cháu ăn lòng đầy thương cảm. «Một đứa bé cứng cỏi», chàng nghĩ. «Nhưng thử coi cái lối người ta đối xử với nó».

Chàng ngồi xuống cạnh cửa sổ, mở cái nút áo ngoài nhàu nhè và nhìn lên trời qua cái khuôn thông gió đen dứa. Trong một phòng ở chung cư đang kìa một đứa bé gãi gối ngồi trong cái ghế salon đang chài lỏng một con chó, con chó ngáp và cố liếm tay chủ. Đứa bé ăn cái mồm con chó xuống. Một người đàn bà mặc áo ngủ đi ngang qua phòng, đi qua đi lại từ nhà bếp ra phòng ngoài. Cửa sổ phòng thẳng

SAUL BELLOW

TRẠNG THẠİ

tắm vẩn hạ xuống đập vang dội vào những thanh gỗ lớn nứt nẻ của bên phải. Nước đổi màu vàng và trắng dưới mũi tàu, giống như tuyết chảy tan trong thành phố. Cái tàu giạt về phía sau và rồi tắt máy lướt vào bờ, đâm vào những thanh gỗ lớn đầy rong rêu. Trên ngọn đồi dài phía trên những vòng cung hợp bởi từng căn chòi mặt tiền nhà bằng hiện ra, và Leventhal lên bờ cùng với mọi người nghe tiếng xe buýt nổ ầm ầm trước trạm xe.

Thằng Philip lại ra mở cửa. Nhìn ra chú, nó tránh sang một bên cho chàng vào phòng.

«Elena đâu? Mẹ cháu có nhà không?», Leventhal vừa hỏi vừa bước sải vào phòng khách, «Thằng bé ra sao?»

«Nó đang ngủ. Mẹ cháu ở dưới lầu kêu nhờ điện thoại của ông Villani. Mẹ cháu nói sẽ lên ngay.» Nó quay vào cửa bếp và giải thích «cháu đang ăn trưa».

«Tiếp tục, ăn xong đi», Leventhal nói. Chàng rút rút bước quanh phòng. Thằng Mickey thêm thiệp; cuộc bạo động lần này có vẻ cũng như lần trước. Bước đến cửa phòng ngoài chàng phân vân không biết có nên vào phòng đứa bé một mình không. Không nên; Elena mà thấy thì chàng ra cái gì cả.

Mặt trời sắp lặn, và đèn trong tòa nhà đã bật ra trên những lỗ thông gió, những khoảng tường ngay dưới mái nhà vẫn còn giữ ánh sáng vàng rực của mặt trời. Leventhal bước vào căn bếp trong đó thằng Philip đang ngồi trên một cái ghế đầu thật cao cạnh bàn. Trước mặt nó là một bát bánh quy

Mickey mở ra lỗ thông gió, và nếu thằng Mickey còn thức nó có thể nhìn thấy anh và chú nó.

«Bác sĩ bao giờ mới đến đây». Leventhal bỗng nhiên nóng nảy. «Chú nghĩ mẹ cháu đang nóng lòng mong ông bác sĩ đến. Mẹ cháu bận việc gì vậy?»

«Đề cháu chạy đi coi». Philip nhảy khỏi cái ghế.

«Không, cứ ăn nốt đi. Chỉ chờ cho chú đi tìm». Nhưng Philip đã ra đến hành lang. Tuy nhiên Leventhal chỉ nghe thấy tiếng nói qua những cánh cửa mở thay vì tiếng bước chân. Hay là nó gặp mẹ đang đi lên lầu? Đèn bật sáng ở phòng khách, dưới cái chụp bằng kính sơn xanh, và Leventhal chợt nhìn thấy một người đàn bà mặc đồ đen thấp thoáng cạnh cái bàn.

«Cháu đâu, chàng kêu to; Philip, cháu đâu rồi?»

«Cháu đây — Bà vào đi.»

«Ai đó?», chàng thấp giọng hỏi. Chàng cố nhìn qua cái đèn đến đầu kia của căn phòng.

«Bà ngoại cháu», Philip trả lời.

«Bà cụ già?», Leventhal hỏi lại, ngạc nhiên. Chàng đã biết bà đôi chút qua Max, nhưng chàng chưa gặp mặt lần nào. Chàng rời cánh cửa, về hồi rồi, và đi quanh cái bàn ăn đến phía bà, đôi hướng đi khi bà quay lại, và ngồi xuống cái ghế bọc nệm da để.

«Đây là em ruột ba cháu», Philip nói với bà. Leventhal cố kéo dài cái gật đầu chào thành một cái cúi mình; chàng muốn làm ra vẻ lễ độ kẻ dưới. Bà cụ già chỉ nhìn chàng một cái thật gọn. Cao hơn chị Elena, người bà gầy và lưng thẳng, và cái cổ bà cũng vươn thẳng. Bà đeo hoa tai bằng vàng thật to. Tóc bà xõ ra hai bên thái dương hơi ngắn và bạc; phía sau gáy tóc màu đen được búi chặt chẽ. Bà mặc quần áo màu đen, lụa đen, và mặc dù trời nóng bức bà vẫn quàng một cái khăn san trên vai.

Vì bà không nói gì, Leventhal đứng im không biết phải làm sao; có lẽ không nên nói gì thêm, nhưng ngồi xuống mà bà không trả lời thì thật ngượng đối với chàng. Nhưng quay vào nhà bếp cũng có vẻ không được lịch sự. Có lẽ chàng hiểu lầm sự cứng rắn của bà. Dù sao, bà như có vẻ quay mặt đi nơi khác, và chàng phải cố ngăn mình giận dữ bất bà phải quay lại đối diện với mình. Dù sao, bà đã chẳng mở miệng — nhưng chàng không thể chắc chắn được. Có thể là chàng lầm.

«Chú tưởng cháu đang đi kiểm má cháu», chàng nói với thằng Philip, hơi nóng nảy. Và khi Philip vội bỏ đi, chàng nói nhanh «chú đi với cháu». Chàng đã quyết định là cái vẻ của bà ngoại không có gì là thân thiện, dù dưới cái ánh sáng xanh mờ nhạt tỏa qua cái chụp đèn thật là khó mà có một nhận xét rõ rệt được. Nhưng chàng cảm thấy vẻ ác cảm của bà. Lết bết — sự ỏi à làm người chàng thêm nặng — chàng theo Philip xuống mấy vòng cầu thang qua dãy nhà bên cạnh. Philip gõ cửa, và trong chốc lát Elena vội vàng bước đến phía họ, hối hả và sợ hãi.

«Ồ, chú Asa», bà nói. «Ông bác sĩ chuyên khoa đâu? chú có đem ông ấy đến không?»

«Ông ấy bảo sẽ đến trong khoảng từ bảy đến tám giờ. Chắc cũng không lâu đâu»

Ông hàng xóm, ông Villani hút một điếu xì gà cong queo hiện ra ở ngưỡng cửa và kêu với theo, «Bà cho chúng tôi biết ngay ông bác sĩ nói sao về thằng nhỏ nghe». Ông ta nhìn Leventhal, không giấu vẻ ngạc nhiên. «Chào ông?», ông ta nói với chàng.

«Đây là em ruột nhà tôi», Elena nói.

«Phải, đúng vậy», ông Villani nói, tay lấy điếu xì gà ra khỏi miệng. Leventhal bình thần nhìn ông ta; mặt chàng nghiêm trang lạnh lùng, chỉ hơi chăm chú cho phải phép. Một giọt mồ hôi chạy trên má chàng. Ông Villani, một tay để trong túi làm cái quần rộng ra, nói «Ông trông giống hệt ông Max»; và ông ta quay sang chị Elena «Bác sĩ bảo gì bà làm đúng như vậy, bà hiểu chứ? Thằng nhỏ chạy chữa được, vậy đừng bận tâm gì. Tôi nghĩ là nó chỉ bị sốt nhiệt mà thôi» (đoạn sau này ông ta nói với Leventhal). «Bệnh đó không có gì nguy cả. Lũ trẻ con nhà tôi đã bị rồi. Nhưng bà này lo lắng quá đi».

«Nguy hiểm lắm chứ», Elena nói. Chị nói nhẹ, nhưng Leventhal (chàng nhìn kỹ và chú mục đến vẻ



mắt chị) cảm thấy sợ hãi đặc biệt khi hai con mắt mở lớn bất ngờ.

«À, à, sao ông biết được? Ông là bác sĩ sao? Đề coi đã chứ»

«Tôi tưởng ông đây nói đúng, chị Elena», Leventhal nói.

«Tôi nói đúng chứ. Ta phải tin tưởng vào bác sĩ».

Một âm thanh sắc, không nhiệt thành vương trong cổ họng người đàn ông, và ông ta vung tay lên một vòng ngăn hùng hồn, cứng nhắc. «Có việc gì đâu! Chắc chắn vậy! Bà cứ nghe tôi. Thằng nhỏ không sao cả». Dấu lửa xì gà loé lên trong ngón tay ông ta.

«Bà ấy chắc sẽ tin tưởng», Leventhal trấn an ông ta.

Họ đi lên lầu. Lên đến tầng thứ tư Elena dừng lại thở dốc một cái bộp chộp. «Philip, con nói gì — Bà ngoại đến hả?»

«Bà vừa mới đến».

«Trời ơi!», Bà quay lại Leventhal với một vẻ đột ngột đầy lo âu. «Bà nói gì với chú? Bà có nói gì không?»

«Bà chẳng mở miệng lấy một lời».

«Ồ chú Asa, nếu bà có nói... ở tôi cầu bà đừng nói gì. Cứ kệ bà nói gì thì nói. Cứ kệ bà, chú đừng để ý gì».

«Ồ, chắc chắn như vậy», chàng nói.

«Bà là loại người đặc biệt, bà cụ mẹ tôi. Bà làm thật dễ sợ khi anh Max với tôi lấy nhau. Bà muốn tống tôi ra khỏi nhà vì tôi đi chơi với anh

ấy. Tôi không được mời anh ấy vào nhà. Phải gặp nhau ngoài đường ngoài chợ»

«Anh Max có kể chuyện đó một đôi lần...»

«Bà là người Công giáo có chấp quá quắt. Bà nói là nếu tôi lấy người ngoài đạo bà sẽ không còn mẹ con gì với tôi nữa. Bà có thể nguyên rủa tôi. Vậy nên, khi tôi bỏ nhà đi bà đã nguyên rủa. Tôi chẳng được gặp bà mãi đến khi sinh thằng Philip. Bây giờ tôi cũng chẳng mấy khi gặp bà, nhưng từ khi thằng Mickey đau ốm bà đến đây luôn. Nếu anh Max có nhà bà sẽ chẳng thêm đặt chân vào nhà. Bà rất mê tín, bà già đó. Bà vẫn giữ những cái kiểu naur ở bên quê nhà. Bà nghĩ là vẫn còn ở Sicile». Elena nói gần như thì thào, bàn tay che một bên mặt.

«Đừng bận tâm chuyện đó; tôi biết cách cư xử với bà»

«Bà ấy từ xưa vốn đã như vậy», Elena giải thích gắng gượng mỉm cười.

«Chỉ không việc gì phải bận tâm chuyện đó»

Bà cụ già gặp hai người ngoài phòng khách và bà tức khắc nói chuyện với con gái, mắt bà thỉnh thoảng nhìn sang Leventhal. Chàng nghe giọng bà có một vẻ khàn khàn đặc biệt ý đại lợi. Cái đầu dài của bà ngả hẳn về phía sau trên hai vai áo đen. Chàng chăm chú nhìn cách bà trẻ môi dưới ra, làm lộ hàm răng khi bà chần chờ trước một vấn đề nào đó. Elena, thất vọng, lắc đầu và trả lời bằng từng câu ngắn. Leventhal cố nghe được một vài chữ. Chàng chẳng hiểu gì cả. Bất chợt Elena chặn lời bà già lại, hét to lên, «Ờ đâu? Sao mẹ không nói ngay ra? Ông ta đâu? Ông đến đây rồi!» chị Elena lên với Leventhal. «Bác sĩ chuyên khoa!», chị Elena chạy vào trong nhà. Leventhal bước theo sau bà cụ qua phòng khách đến phòng ngủ, mặt chàng nhăn nhó trong khi trút được gánh nặng. Bà già quai ác! Bất con gái đợi và nghe mình than phiền trước khi bảo nó là bác sĩ đã đến. «Ồi mẹ cha! Chàng làm bầm. «Ồi, thật là mẹ cha! Chính mắt tôi! Ở mẹ cha!», Chàng chỉ muốn xô ngã nhào bà già.

Bà người vào phòng. Bác sĩ đã đỡ áo thằng Mickey lên và đang nghe ngực. Thằng bé không có vẻ gì là thức cả; nó nằm im lìm và để cho khám xét nghe ngóng, nó li bì vì cơn nóng, mắt chỉ hơi nhắm lên nhìn mẹ, nhận ra hơn là kêu cầu mẹ nó. Thằng Philip dựa mình lên đầu cạnh giường nhìn em.

«Philip đừng làm rung, đứng dậy» Elena nói.

Ông bác sĩ quay đầu nhìn qua vai. Ông còn rất trẻ, gương mặt dài đỏ hồng, đôi kính gọng vàng nhỏ nhắn trên hai con mắt gần nhau. Tai ông áp cái ông nghe trên ngực và vai thằng bé, mắt nhìn thẳng vào Leventhal — tin rằng chàng là bố đứa bé. Lúc đầu Leventhal khó chịu vì sự nhầm lẫn này. Sau đó chàng mới hiểu là ông ta đang cố gắng bảo đảm chàng là bệnh rất nặng. Tránh khỏi mất Elena (chị đang gấp tấm vải trải giường) chàng gạt đầu tỏ vẻ hiểu ý ông ta. Ông bác sĩ để hai cẳng ống nghe mắc xuống cổ và sờ vào tay thằng bé với những ngón tay đó sạch sẽ. Cái màng nhện cứng và vàng ủa trên nền đen ngoài cửa sổ đã bị những con thiêu thân và phù du xé rách thành những lỗ hồng lớn. Gió từ nhà bếp và những

Nếu bạn là người :

— đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp? — đã từng sống chết, chiến đấu với Việt minh? — là người có cảm tình hoặc đang hoạt động cho MTGP/MN? — là người chống cộng triệt để, một mắt một còn?...
... Thì... các bạn sẽ hối hận, tiếc rẻ một đời nếu chưa đọc được thiên hồi kỳ :

BÓNG TỐI ĐI QUA

(Tức 1.287 ngày trong Bộ Chỉ Huy tối cao MT DT GP/MN)
của KIM NHẬT HOA ĐĂNG in

Đã phát hành trên toàn quốc.

LẦN ĐẦU TIÊN TẠI MIỀN NAM

VĂN CAO, DZOAN MẮN, TÔ VŨ, HOÀNG GIÁC, LÊ TRẠCH LỰU, HOÀNG QUÝ, TU MY

gặp :

PHẠM DUY, MINH TRANG & DƯƠNG THIỆU TƯỚC,
NGỌC BÍCH, ANH VIỆT.

trong :

NHỮNG TÌNH KHÚC TIỀN CHIẾN TIÊU BIỂU

MAI THẢO viết bặt — HỒ THÀNH ĐỨC vẽ tranh — KHAI PHÓNG xé
Đã phát hành TOÀN QUỐC

tiếng động dưới sàn lọt vào căn phòng. Thăng bé được nâng lên và cái gối dưới đầu bị lật sấp.

«Vài giờ bà lại lau mồ hôi cho cháu» ông bác sĩ nói.

«Thưa bác sĩ hồi chiều tôi đã làm. Lát nữa tôi sẽ làm lại» chị Elena nói.

Chị đã thì thào với ông bác sĩ từ nãy đến giờ và bây giờ nói to nhiệt thành, gần như vui vẻ. Chị như thấy không có gì nguy hiểm nữa. «Tôi tin tưởng vào ông ta lắm», bà nói với Leventhal mắt nhìn ông bác sĩ. Hai bàn tay Leventhal ấm và lạnh. Chàng bắt đầu cảm thấy trong người khó chịu vì mạch máu chạy nhanh. Chàng lau mắt, quơ cái khăn tay qua những sợi râu tóc trên má và để lại một sò vải trên đó. Chàng chắc là đã hiểu cái nhìn im lặng của ông bác sĩ một cách đúng đắn. Sự hy vọng của bà chị làm chàng choáng váng. Chàng quay lại, mệt nhọc vì lo lắng, nhìn bà chị đầu và hai đứa trẻ; và một lúc lâu sau chàng mới chợt nhận ra là cái gánh nặng này thuộc về phần ông anh chàng. Bất thần chàng nổi giận điên cuồng vì việc Max không có nhà. Trước hết là hẳn không có quyền đi vắng. Leventhal tìm cái ví; chàng để tấm danh thiếp của Max trong đó. Chàng sẽ đánh điện cho hắn đêm nay. Hoặc không, một cái thư gửi tức hành ban đêm thì tốt hơn; chàng có thể nói nhiều trong thư. Chàng bắt đầu phác những điều muốn nói trong đầu. «Anh Max, anh làm ơn dẹp qua một bên những gì anh đương làm... anh làm ơn thu xếp để công việc đình lại một lúc...» Chàng không thể nhẹ lời với hắn. Càng gay gắt càng tốt. Thử coi xem hắn để lại ở đây những gì: cái nhà này, một cái phòng; Elena có thể là rất cần được săn sóc; những đứa trẻ con của hai người.

Leventhal trở lại cái đàn bài cho lá thư tới nay «Gia đình anh cần anh ở nhà. Bắt buộc». Và đó là chàng, gần như là một kẻ xa lạ không có dính líu gì đến cái gia đình này, và chàng phải gửi lá thư này, chàng phải cho Max thấy tình trạng trầm trọng tới mức nào. A, thật là quá lắm rồi! Lại còn bà cụ già nữa. Nếu vạn nhất đứa bé có làm sao bà sẽ xem đó là một cơ hội để xét đoán nghiêm khắc cái đám cưới của con gái. Cái đám cưới đã không được bà hài lòng chấp nhận. Phải, chàng biết là bà nghĩ sao về nó. Một người Do Thái, một tên khác giống, thuộc một giống giống xấu, đã cho bà hai đứa cháu ngoại, và đó là nguyên nhân đưa đến hoàn cảnh hiện tại. Không một ai thuyết phục được Leventhal là chàng đã hiểu lầm. Chàng nghe được những câu gì đang được nói trong phòng, chàng nhìn bà đầu óc u ám, tóc hai bên thái dương bà màu muối tiêu, cái nét mũi mỏng và thẳng, vẻ nghiêm khắc của cái đầu ngả về sau trên hai vai, hàm răng lộ ra khi bà hé môi nói những nhận xét với con gái. Không, chàng không nghĩ sai. Theo bà thì đây hoàn toàn là do sự trừng phạt — đó là những gì bà nghĩ về tình trạng bây giờ, một sự trừng phạt. Bà còn nghĩ gì khác nữa — và dù sao thì đứa bé cũng là cháu ngoại bà — bà cũng nghĩ đến điều này trước tiên.

Vừa lúc đó chàng chăm chú quan sát sự xúc động mạnh mẽ của chị Elena và bắt đầu để ý đến màu đôi môi. Chàng nghe thấy ông bác sĩ nói đến bệnh viện và chàng nghĩ, «Chị không thể để đứa bé ở nhà lâu hơn nữa. Bà sẽ phải chịu thua»

«Hôm qua tôi đã bảo chị phải đem nó đi nhà thương» chàng nói.

Chị Elena vẫn chống lại. «Nhưng tại sao đề nó ở nhà lại không được? Tốt hơn nữa. Tôi có thể săn sóc nó kỹ lưỡng hơn một cô y tá»

«Phải đưa nó đi nhà thương nếu chị muốn bắt tôi lo vụ này»

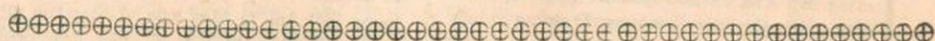
«Nhưng ở nhà thì sao?», chị nài nỉ.

«Phải làm cho xong», ông bác sĩ nói tay đóng khóa cái vali nhỏ.

«Cháu đi gọi taxi được không chú?», thằng Philip thấp giọng hỏi chú. Leventhal gật đầu; Philip chạy ra khỏi phòng.

(Trích trong «Nạn nhân nào» (Bản dịch của KHUẤT LÂM.)

quốc bảo



trên cao nổi nhớ

tiếp theo trang 7

chàng tại sao lại thích màu đỏ đến thế. Màu ấy coi có vẻ hung bạo quá đi. Chàng cười thật dễ thương. Ừ, nhưng mà cũng rất nồng nàn. Hiện thấy không? Ngay lúc đó, trong trí não tôi bắt hiện thật đậm đà đôi mắt đen âm thầm của chàng. Đôi mắt mang cái nhìn thật xoáy mà ngay lần gặp gỡ thứ nhất tôi đã nghe lòng xao động lạ lùng. Và chàng bỏ đi. Hạnh phúc như một bóng dáng mơ hồ trong đời sống. Tôi làm một người hoài hoài trông ngóng vô vọng. Cùng với điều đó, tôi cũng nhận ra tình yêu tôi chàng đã mang tất cả về một cõi trời xa lạ. Có phải như thế không Nguyễn? Có phải chính vì thế mà Hiền đã chẳng thể yêu anh. Chẳng thể là một người tình như anh trong tương lai?

Buổi chiều hôm ấy bất ngờ tôi nói với Nguyễn. Anh cũng nên tìm cho anh một niềm vui mới nào đó Nguyễn. Trong ánh sáng chớp choạng của màu nắng tắt, tôi thấy Nguyễn nhếch môi cười. Một niềm vui mới hả? Hiền thí dụ coi. Thì như một người yêu chẳng hạn. Vì Hiền biết đang có ít là hai người yêu anh. Tôi cười nhìn Nguyễn dò hỏi. Đứng không? Anh có muốn Hiền kể tên không? Nguyễn không trả lời. Tay xoay xoay chiếc bật lửa. Một lúc sau Nguyễn bảo tôi. Thôi Hiền. Đừng nói chuyện đó nữa. Tôi nhìn Nguyễn chờ đợi câu nói tiếp theo. Nhưng Nguyễn im lặng. Sau đó, chúng tôi rời khỏi quán ra về. Dọc đường hai đứa không nói gì với nhau. Lúc về đến nhà tôi, Nguyễn dừng lại bên cạnh giàn hoa leo nói, Hiền nghĩ người yêu như một mong đợi hay một tìm kiếm. Trong bóng tối vừa bắt đầu làm mờ khuất khuôn mặt mỗi người tôi nhìn đắm đuối vào mắt Nguyễn, cố hiểu xem Nguyễn muốn nói gì sau câu hỏi ấy. Với Hiền thì không là gì hết, mà chỉ như một bất gặp tình cờ thôi. Một tình cờ chẳng thể quên. Nguyễn cười nhẹ. Tiếng cười không thoát nghe thật buồn. Như thế sao? Rồi Nguyễn chợt thấp giọng. Hiền hiểu anh nhiều hơn những người khác. Tại sao khi này con nói với anh điều đó? Tôi đứng im nhìn Nguyễn, thoáng một chút bàng hoàng, chỉ phút giây thoáng nhiên hình ảnh chàng lại trở về mộng mị trong trí tưởng. Phải rồi. Người yêu như một tình cờ bất gặp. Như tôi đã yêu chàng. Chúng tôi đã yêu nhau tình cờ như buổi chiều chàng đứng nơi khung cửa nhà tôi với áo rằn màu tối xám và phía sau chàng là một khoảng trời tím thẫm hoang vu. Rồi một ngày chàng đã bỏ đi. Mảnh đạn quai ác cảm sâu vào trái tim còn nồng cháy tình yêu tôi. Tại

MÁU LỬA

giang sơn tràn máu lửa
đất nước thêm tiêu điều
ngàn công trình đổ nát
tấm thân nay đã liều
trang lịch sử bốc cháy
Ôi quê hương hoang liêu
thuyền tôi không định hướng
phù du ngọn thủy triều
thủy thủ buông chèo lái
Ôm linh hồn hoang liêu
bốn phương lạc Bắc đầu
tìm về một tình yêu
đợi chờ trên bến vắng
vành nón nghiêng nắng chiều
Buồn dâng lên sông núi
Buồn tràn vào tình yêu.

sao anh bỏ đi? Tại sao nỗi chết đã chen vào tình yêu chúng ta cho đời sống trở nên buồn bã hơn? Tôi còn lại một mình hồi hoài những câu không có lời giải đáp. Và càng lúc tôi thấy tôi càng thêm lạc lõng giữa những người chung quanh.

Nguyễn bảo nhiều khi thấy như tôi đang sống trong một cơn mơ đại nào đó. Và Nguyễn muốn kéo tôi ra khỏi điều ấy. Ra khỏi những ám ảnh về chàng. Dù Nguyễn biết rằng Nguyễn sẽ không làm được như thế. Tôi nhìn Nguyễn định nói, thôi Nguyễn hãy lãng quên mọi điều. Bởi tôi không muốn phải mang thêm một niềm ăn năn mới. Tôi đã âm thầm ăn năn khi chàng biệt biệt hút xa, khi lần đầu Nguyễn nói đến tình yêu đầy những đắng vật ư phiến. Nhưng tôi vẫn đứng im thật lâu chẳng nói được gì. Cuối cùng thì Nguyễn bỏ vào nhà nói chuyện với mẹ tôi để chào bà ngày hôm sau đi chuyển bay sớm. Tôi đứng lại trên thềm nhà nghĩ bằng quơ đến người con gái miền Cao nguyên đang yêu Nguyễn.

Sau đó tôi nhận được vài lá thư Nguyễn gửi về kể tiếp nhau. Một lúc tôi bỗng thấy thương Nguyễn vô cùng. Tôi nói với Phương điều ấy. Phương cười cười bảo, mi coi chừng đấy nghe. Mấy Ông «con tôm con tép» thuyết là phải biết. Phương vẫn gọi những chữ tắt CTCT như vậy. Tôi nói là Phương không làm sao hiểu được đâu, tôi tin Nguyễn bởi vì chúng tôi đã có một thời tuổi nhỏ bên nhau. Nguyễn kêu hỏi ấy tôi giống như một con sóc nhỏ. Nhưng khi tiếng nói vang lên bên Phương tôi chợt nhớ đến lá thư Nguyễn tôi vừa nhận chiều hôm trước. Anh thấy Hiền có vẻ thiếu tin tưởng vào đời sống, vào chính Hiền. Sao thế? Tuy nhiên điều ấy cũng cần. Bởi bắt đầu khi tin, Hiền lại sẽ chẳng ngã vì tin? Ừ, biết đâu. Buổi sáng này ngồi dưới giàn hoa giấy trong sân nhà tôi nghĩ ra điều ấy. Biết đâu anh lại chính là người làm cho Hiền phải thất vọng trước tiên. Phải không Nguyễn?

Bây giờ đã có một chút nắng mỏng trải trên những đỉnh cây. Tôi nhìn con đường trước nhà thật yên tĩnh, chợt có ý định đến thăm lại nơi ấy, căn nhà chàng đã lớn lên và đã bỏ đi coi nỗi chết như điều tìm thấy thật tuyệt diệu cho linh hồn mỗi người. Trong trí tưởng tôi vẽ ra ngôi nhà khuất sau cây cỏ thụ mà đã lâu tôi không tới. Buổi sáng nay phải đến đó. Tôi nói thầm như vậy. Đến để nhìn lại đôi mắt đen mênh mang của chàng trong khung ảnh trên cao, thấy tình yêu vẫn còn thật nồng nàn trong trái tim tôi tưởng đã nguội quên. Bây giờ thì tôi hiểu, chàng như một nỗi ám ảnh đậm thắm nhất của đời sống tôi.

ĐỌC NHẬT KÝ CỦA NGƯỜI CHỨNG

« một bức tranh phức tạp về thực tại chiến tranh ở đây và bây giờ »... (*)

NHẬT ký của người chứng là một cuốn sách được từ sách văn nghệ xám của nhà xuất bản Thái Độ cho phát hành từ đầu năm 1969, nhưng đến nay vẫn còn nguyên vẹn tính chất thời sự trong nội dung sinh động của nó, nên tôi chọn đọc ở đây. Tập nhật ký này ghi lại những chuyện xảy ra dưới mắt một thông dịch viên Việt Nam, người trung gian ngôn ngữ giữa những cố vấn Mỹ và các sĩ quan Việt khi thì tại một đơn vị hành chính, khi thì tại một đơn vị chiến đấu, rồi cả trong những tháng ngày mà anh ta phục vụ lần lượt ở những nơi đó, theo những đòi hỏi của số phận anh ta. Người thông ngôn này cũng chính là người kể chuyện, ghi nhật ký, xưng «tôi». Anh ta có một thể đứng rõ ràng trong mọi câu chuyện được kể lại, thể đứng của một chứng nhân. Đáng lẽ cuốn sách phải mang một nhan đề hợp lý hơn: Nhật ký của một người chứng, vì đây là một người chứng có một vị trí chủ quan, một lập trường khẳng định trước những hoàn cảnh diễn biến mà anh ta ghi lại. Không phải là người chứng hoàn toàn vô tư, hoàn toàn đứng bên lề mọi sự. Những sự kiện được mô tả vốn không được quan sát từ bên ngoài, mà trái lại chúng được nhìn thấy từ bên trong, bởi một người trong cuộc (một người «nhập cuộc»). Và điều đó rất tự nhiên. Trong cuộc chiến tranh này, muốn thấy rõ những khía cạnh phức tạp của tạo nên cái thực tại hỗn độn ở đây, anh phải sống với hoàn cảnh, trong hoàn cảnh; nơi khác đi, người chứng phải là người tham dự. Đã hết rồi những ngày huy hoàng của nền văn chương tả chân khách quan hiểu theo nghĩa khô cứng của khoa học; cũng đã qua rồi thuở vàng son của xu hướng văn chương mộng tưởng khởi từ tâm tư của những người viết thu mình trong những tháp ngà an toàn cao chót vót. Viết bây giờ là chọn lấy sự bất trắc, là chấp nhận những may rủi mà thực tại đối tượng đưa tới. Không dẫn thân trên đường đi tới sự thực, anh sẽ chẳng thể nào bộc lộ trước cho người khác tin những điều anh thấy hay cảm thấy về sự thực mà anh muốn diễn tả. Đối với những người chọn lựa một vị trí trong hoàn cảnh, viết là — trước hết — can đảm đánh đổi đời sống mình lấy sự thực, kinh nghiệm bản thân trở thành con tin giữa thực tại và ngôn ngữ. Vậy người chứng chọn hay nhận một vị trí, một vai trò, một cách tích cực trong câu chuyện, vẫn để còn lại là ghi lấy, là mô tả. «Nhật ký của người chứng» đã mô tả nhiều chi tiết, nhiều phía cạnh của thực tại mà chúng ta đang sống, mà chúng ta đang ở trong hay ở bên cạnh, mà chúng ta đã bỏ qua hay đã quên đi! Thực chất của cuộc chiến tranh này, nhất là bản diện của mối bang giao Việt Mỹ trong những hoàn cảnh cụ thể, với những con người bằng xương bằng thịt của hai quốc gia tiếp xúc với nhau hàng ngày, trước những đe dọa chung, những thử thách cam go ở mọi nơi trên mảnh đất Việt Nam này.

Người «chứng tự giới thiệu ngay ở trang đầu: «Tôi được biệt phái sang làm Thông dịch viên cho phòng Cố Vấn Mỹ Tiểu khu. Tôi thấy bối rối nhiều với công việc này. Từ trước đến giờ, người Mỹ vẫn xa lạ với tôi». Như vậy là anh ta không chọn lựa cái thể đứng cụ thể của anh ta trong hoàn cảnh, mà là bị ném vào đó (được biệt phái làm thông dịch viên). Sau ít ngày làm việc với viên Trung tá Mỹ Cố Vấn trưởng Tiểu khu, được phái đi cùng các sĩ quan Cố Vấn Mỹ đến các quận thăm viếng để thiết lập những ban Cố Vấn Quận, chứng kiến những cảnh gai mắt, anh ta chán ngán, «lên gặp Trung tá Tiểu khu trưởng để xin trở về đơn vị cũ» (trang 18). Viên

Trung tá hồi ý kiến người Mỹ và người Mỹ không chịu. Anh ta bị đẩy xa hơn nữa vào vai trò thông dịch viên: Theo chương trình của người Mỹ tại Việt Nam, họ bắt đầu thiết lập ban Cố vấn Quận tại các tỉnh. Ban cố vấn gồm năm người có bốn phần chỉ bảo giúp đỡ và kiểm soát những gì thuộc về Quận. Tôi được gửi đi làm bên cạnh cố vấn Mỹ tại Quận B.T. (trang 20). Rồi từ đó, anh ta làm việc với người Mỹ ở Quận B.T., cho tới một ngày: «Vi như cầu tôi phải dời sang một Quận khác. Bên đó không có thông dịch viên và cũng không một người nào nói được tiếng Anh» (trang 80). Làm việc ở Quận mới được ít lâu, anh ta bị thương nhẹ vì đạn pháo kích, đi nằm nhà thương; rồi hết thời kỳ dưỡng thương anh ta chán ngán vai trò thông ngôn nên trở lại trình diện Trung đoàn, đơn vị gốc cũ» (trang 119), từ đó anh ta được gửi đến một Tiểu đoàn tân lập (trang 124). Anh ta bằng lòng vì được làm việc với người Việt Nam (thiếu tá K. tiểu đoàn trưởng), nhưng rồi Trung đoàn lại gửi công diện cho Tiểu đoàn, ra chỉ thị biệt phái anh ta «sang làm cạnh Cố Vấn Mỹ theo lời yêu cầu của họ» (trang 147). Viên

NGUYỄN NHẬT DUẬT



MỖI TUẦN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH

Tiểu đoàn trưởng Việt Nam thông cảm nỗi buồn của anh ta, cho anh ta hưởng 7 ngày phép trước khi dời chỗ làm. Anh ta đi phép và trong dịp đó, ngồi trên chiếc máy bay của người Mỹ, anh ta ngao ngán: «Thật sự tôi thấy nản khi nghĩ đến sau bảy ngày phép sẽ là những ngày không chịu nổi. Và tôi muốn đi thật lâu, lâu quá 15 ngày. Tôi thương mẹ tôi nhưng lại sợ cái tình Saigon. Tôi nản...» (trang 150). Cuốn nhật ký không có đề ngày, đây những dấu đồng chấm, ngừng lại ở đó. Theo dõi những diễn biến vừa kể, theo những thay đổi nơi chốn và công việc của người chứng, độc giả thấy rõ là anh ta không chọn lấy những công việc và những nơi chốn đó, mà hoàn toàn thụ động, bị đẩy vào những hoàn cảnh, những tình trạng sống này. Nói khác đi, anh ta là một người chứng tình cờ và bất đắc dĩ của những cảnh trạng ấy, của những cuộc tiếp xúc Việt — Mỹ ở các quận và đơn vị chiến đấu, của bao nhiêu tấn kịch bi hài.

Bằng một lối kể chuyện thật đơn giản, khúc chiết, mạch lạc, sáng sủa và chua chất, người chứng đã ghi lại, chỉ trong vòng chưa đầy 150 trang giấy, biết bao nhiêu cảnh trạng náo lòng của mối bang giao Việt Mỹ! Trước hết là sự ngộ nhận, sự ngộ nhận đầy rẫy trong mọi cuộc tiếp xúc giữa cố vấn Mỹ và sĩ quan Việt nam, những ngộ nhận tức cười và

thảm thương. Chẳng hạn chuyện viên quận trưởng đọc sách: «Anh dân vệ gác cửa thấy Cố Vấn Mỹ vội vã chào rồi mở cửa ngay không kịp báo trước. Ông Quận đang đọc sách thấy chúng tôi thì vội gấp lại ngay, úp mặt bìa xuống bàn. Tôi nhìn vào cái gáy dày cộm của cuốn sách ông vừa đọc và thấy tên một truyện kiếm hiệp Tàu (...) Ra đến cửa, Đại úy Mỹ hỏi tôi rằng cuốn sách mà ông Quận đang đọc lúc này có phải là Bình thư không? Tôi yên lặng. Ông ta lại tiếp bằng một giọng đầy tin tưởng: — Tôi nghĩ ông Quận này khá, ông ấy bận rộn suốt ngày và chịu khó nghiên cứu Bình thư...» (trang 9-11). Nhưng dụng ý của người chứng không phải là chế riễu những cảnh như thế. Có lẽ mục đích chính của người chứng là ghi lại những nét đáng ghi về người Mỹ ở Việt Nam, về nền bức tranh về những viên Cố Vấn Mỹ. Đó là những người Mỹ lẳng xằng, ưa thăm hỏi, ưa thắc mắc đủ chuyện, từ chuyện Q. 1 đến tình trạng xã và không quên dò hỏi về cô em vợ ông Quận trưởng Sự ân cần thăm hỏi đó, tuy chung, muốn biểu lộ điều gì? Viên Đại Úy Mỹ khẳng quyết với viên xã trưởng Việt Nam: «Chúng tôi lúc nào cũng muốn giúp dân Việt Nam nâng cao đời sống để chống Cộng sản nhưng chúng tôi sẽ không thể làm gì được khi đời sống ở đây cứ thế này mãi. Các ông hãy hiểu đó cũng là lý do tại sao chúng tôi lại thiết lập ban Cố Vấn Quận, mục đích không đầu khác là tìm đủ cách để giúp dân quê Việt Nam nâng cao đời sống mà chống Cộng sản» (trang 39). Bởi thế, các cố vấn Mỹ bằng mọi cách muốn giúp dân Việt Nam, chẳng hạn như lập trạm y tế, chính trang trường học và nhất là xây nhà thờ Tin lành cho các xã! Ở các xã, quận, phải xây nhà thờ trước trường học (trang 45-46), còn các nhân viên và nhất là sĩ quan Việt Nam đều phải biết tiếng Anh để giao dịch với người Mỹ, đó là bổn phận (trang 65 và 139). Đó là sự phát huy văn hóa và văn minh Hoa Kỳ (ngôn ngữ và tôn giáo). Thế nhưng tất cả sự ân cần săn sóc và giúp đỡ dân Việt của người Mỹ không phải chỉ có mục đích cao cả đó, mà thực ra, nhiều khi nó rơi xuống chỗ hạ cấp. Hãy nghe một viên Trung Úy Cố Vấn phát biểu về cô em vợ ông Quận trưởng đã nhận nước hoa, kẹo bánh và xà phòng (tặng phẩm của người Mỹ): «Nó nhận đó của mình, là cứ tâm sạch rồi mang về giường!» Sự giúp đỡ của người Mỹ có lúc chỉ còn là một sự lừa bịp đầy vẻ khinh thị: một bà lão VN xin thuốc ho, viên Trung Sĩ người Mỹ cho bà ta mấy viên thuốc bỏ (vì không có thuốc ho), hẳn bị người thông ngôn kêu là lừa gạt, bèn trả lời bằng những câu «đây ý nghĩa»: «Lừa gạt cái gì? Nó đâu biết thuốc đó uống không chết, tao không muốn họ về không. Tại V.C. có thể tuyên truyền là Cố Vấn Mỹ ít thuốc hay không tốt với dân...» (trang 15-16). A. thì ra thế, sự lừa gạt có lý do chính trị và tâm lý thật sâu xa, mà cũng không thiếu lý do y học (thuốc bỏ uống vô hại lại tốt!). Chẳng những người Mỹ tự tôn đóng vai hào phú, khinh dân VN ngu dốt và nghèo khổ đáng thương hại, mà còn mang nặng thành kiến dân VN là dân nô lệ Pháp xưa kia. Chúng ta hãy đọc: Trong khi ăn viên Trung sĩ già nói với Đại úy Mỹ: — Theo nguyên tắc thì mình phải lên phòng hội của họ để bàn mọi sự. Nhưng tôi không hiểu tại sao ông Quận này lại tốt đến cái độ mang cả bộ tham mưu xuống đây để trình bày. Đại úy không nói gì.

Xem tiếp trang 14

(*) «Nhật ký của người chứng» của Thái Lăng, Thái Độ xuất bản, 1969, 150 trang, giá 110 đồng.

Có người bảo rằng Nguyễn đình Thi đã là đảng viên Cộng Sản Đông Dương từ trước ngày Nhật đầu hàng 1945. Và trong những ngày Hà nội thất thủ, Nguyễn đình Thi là một đại đội phó của Trung đoàn Thủ đô.

Nhưng điều này có lẽ chỉ là một ngộ nhận, bởi trong loạt kết nạp đảng các văn nghệ sĩ tiền chiến có tính cách tập thể, hàng loạt vào 1947 tại rừng Thái Nguyên, Việt Bắc, người ta thấy trong số đó có Nguyễn đình Thi. Sau đó, Thi về công tác ở Hội Văn Nghệ Việt Bắc cho đến 1950.

Chính trong thời gian này Nguyễn đình Thi bắt đầu nổi danh trong giới văn nghệ sĩ kháng chiến. Thi nổi danh vì chính Thi là người đầu tiên làm thơ xuôi (loại thơ tự do phá thể mà chúng ta thường thấy trên các báo), được nhiều người mệnh danh là thủ lĩnh, dẫn đầu phong trào. Tác phẩm đại diện cho Thi là bài thơ xuôi «CÂU CHUYỆN HAI NGƯỜI YÊU NHAU» :

«... Hai người gặp nhau giữa đoàn quân chiến thắng
Họ chẳng nhìn thấy gì, chẳng trông thấy gì
Chỉ biết yêu nhau
Như kẻ chết khát vừa qua sa mạc
.....»

Đọc qua mấy câu thơ trích trên đây, gác sang bên phần nghệ thuật, ta thấy Nguyễn đình Thi, đối với khuynh hướng văn nghệ và chế độ tự do của miền Nam, không có gì lạ. Là thi sĩ, cứ việc thả hồn thơ, tha hồ lãng mạn, tha hồ tả tình tả cảnh theo kiểu nào cũng được, chẳng bị gò bó, hạn chế nào khuôn khổ định sẵn nào. Nhưng chế độ miền Bắc, văn nghệ phải có lập trường, phải đi đúng đường lối chính trị, yêu phải có mục đích chứ còn «yêu thuần túy», yêu khơi khơi, «bạt mạng» như trên, chẳng còn kiêng dè, đề ý đến chung quanh nhất định không được tán đồng, chấp nhận.

Ấy thế mà «... chẳng nhìn thấy gì, chẳng trông thấy gì. Chỉ biết yêu nhau, như kẻ chết khát vừa qua sa mạc; nhất định là nội dung thiếu xây dựng, thiếu lập trường».

Điều đó, nhắc cho ta nhớ, trở lại cái chuyện «vào đảng» của Nguyễn đình Thi, và mức độ «giác ngộ Đảng» của Thi, thì cái chuyện vào Đảng trước ngày Nhật đầu hàng khó thể tin được.

Qua bài thơ, cái tính chất nghệ sĩ của Thi đã đánh đuổi «tính Đảng» chạy dài. So sánh với những văn nghệ sĩ tiền chiến. Nguyễn đình Thi được xem là «thành phần tiến bộ», «ngoan Đảng». Vậy mà chết, Đảng vẫn không sao trấn áp nổi cái chất người, chất nghệ sĩ trong con người nghệ sĩ. Nhờ thế, chính những lúc Đảng bị đánh bại lại là những lúc văn nghệ phẩm mới có cơ hội, gây xúc động tận cùng, cũng cảm thông, hòa mình vào dân tộc và tổ quốc. Không phải thứ văn nghệ phẩm tuyên truyền, lạc điệu, ngớ ngẩn, ngây ngô. Ta hãy nghe bài thơ «ĐẤT NƯỚC» của Nguyễn đình Thi, thật hay, mang tâm trạng chung của thanh niên thời kháng chiến chống Pháp :

Sáng mắt trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cơm mới
Tôi nhớ những mùa thu đã xa...

Sáng sớm lạnh trong lòng Hà nội
Những phố dài xao xác heo may

Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phất phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong ngực đất
Nhịp nhàng ngày xưa vọng nói về

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu...

Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Đã bật lên tiếng thét căm hờn

Bát cơm chan đầy nước mắt
Bay còn giăng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây — thằng chúa đất
Đưa dè dặt, đưa lột da

Xiềng xích chúng bay không khóa nổi

Thấy trên phương diện Văn Nghệ, những văn nghệ sĩ tiền chiến là những người đã nổi tiếng, nổi danh, trong phút chốc không thể nào tranh nổi họ Nguyễn đình Thi một mặt lo tích cực viết lách, một mặt lo tranh thủ tình cảm với Đảng.

Về viết lách, sáng tác thì những văn thi sĩ tiền chiến hầu hết như ngưng sáng tác, không chú trọng mấy về phương diện này vì nhiều lý do. Lý do thứ nhất là con người nghệ sĩ, tự do, phóng khoáng của họ không thích hợp ở chế độ mới, cứ bị phê bình kiểm thảo mãi và ép vào khuôn: «suy nghĩ theo lối Đảng», «viết theo đường lối Đảng», «phục vụ chính sách Đảng». Đảng kiểm soát gắt gao làm họ mất hết cả hứng thú, bất mãn triền miên, tự ái bị va chạm nặng nề nên không buồn sáng tác. Lý do thứ hai, họ đã nổi danh, họ tự mãn với cái tên đó, giờ cần gì phải sáng tác một cách khờ nhọc để cho có danh? Lý do thứ ba, phần lớn thì giờ của họ, Đảng bắt họ làm công tác chính trị, công tác sinh hoạt nội bộ, đi sản xuất tự túc, lợi bộ công tác, hành quân rã giò v.v.. buông ra là một bờ hơi tai, chỉ muốn nằm ngủ một giấc cho đã đời. Là văn nghệ sĩ nhưng đã có được mấy người được ngồi không tìm hứng? Chẳng có ai cả!

Chỉ có những anh chưa nổi danh, chưa có tiếng tăm mới viết lách hăng

thoả luận công tác với Tổ Hữu suốt cả mấy ngày. Mỗi khi được tin gì về một văn nghệ sĩ nào là Thi báo cáo ngay. Có lần, trước mặt nhiều người, trong lòng ngời «báo cáo» với Tổ Hữu Thi báo :

— Tôi vừa được nghe anh em kể chuyện về Phạm Duy và ban Thăng Long. Không khéo bọn nó về thành mất thôi...

Có lẽ Phạm Duy cũng được anh em nói lại cho biết và biết đâu nó chẳng là một giọt nước thêm vào cốc nước đã đầy ngang mặt vì hờn oán, tui nhọc nên Phạm Duy và Ban Thăng Long nhất quyết khăng gài quả mướp già từ «Bắc Đảng». Có phải thế không, anh Phạm Duy?

Đi công tác thì Nguyễn đình Thi luôn luôn xung phong theo bộ đội ra mặt trận. Lưng đeo ba lô, mặc quần phục màu cỏ úa, nai nịt gọn gàng, đầu đội mũ sắt có bao lau, chân đi dép Bình Trị Thiên, tay cầm gậy. Đôi lúc còn mang thêm cái kính trắng cho oai.

Chắc vì vậy mà năm 1951, Đảng nghiêm nhiên phong cho Nguyễn đình Thi chức vụ Chính trị viên phó Tiểu đoàn, đưa đến công tác ở Sư đoàn 308. Lúc đầu Tổ Hữu giới thiệu Thi đến Tổng Cục Chính Trị với mục đích cất nhắc Thi, cho Thi trông coi về công tác văn nghệ quân đội và tờ nguyệt san hàng tháng «VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI» của Tổng Cục.

Nhưng không hiểu sao, dẽ bị thế nào hoặc tính toán hơn thiệt tào đó, Nguyễn đình Thi từ chối, nâng nặc đời ra «... vì công sức chiến đấu với bộ đội. Và Thi được đưa về Sư đoàn 308.

Chính trong thời gian này, tiểu thuyết đầu tay của Nguyễn đình Thi nhan đề «XUNG KÍCH» được chào đời. (Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1951). Thế là thi sĩ kiêm nhạc sĩ Nguyễn đình Thi kiêm thêm danh hiệu văn sĩ. Ngay ở tác phẩm đầu tay này Thi nổi tiếng thật sự. Nổi tiếng vì nó là một tiểu thuyết chiến đấu đầu tiên in hành trong kháng chiến, đề cao tính vai trò lãnh đạo của Đảng là tất thắng trong quân đội, đúng vào lúc Đảng ra công khai với tên mới «Đảng Lao Động V.N.»

Trong cuộc chấm thi về văn nghệ, tác phẩm XUNG KÍCH của Thi được chấm giải nhì vào 1952. Giải nhất là tác phẩm VÙNG MỎ của Võ huy Tâm.

Nhiệm vụ chính trị viên Phó Tiểu đoàn là nhiệm vụ đơn độc, điều khiển toàn đơn vị thực hiện các công tác sinh hoạt nội bộ như văn nghệ, báo tường, báo liếp, học tập văn hóa, học tập chính trị, công tác dân vận, thể dục thể thao v.v... Nếu tất cả những công tác ấy suông sẽ, tốt đẹp thì thôi, còn gặp chuyện rắc rối, yêu kém gì đó thì chính trị viên phó lãnh hết trách nhiệm, còn bị chính trị viên chế khen đủ điều. Cường vị phó đó, Thi cứ bị anh «chính» vừa dốt vừa khó chịu cứ «lắm cha» mãi nên Thi chán, xin trở về công tác ở Hội Văn Nghệ vào cuối năm 1953.

Ở đây, có một điều lạ nơi Nguyễn đình Thi là tuy người của quân đội, thuộc thành phần văn nghệ sĩ quân đội nhưng suốt mấy năm trường phục vụ trong quân đội. Thi không hề sáng tác một bài thơ, viết một bài báo nào của quân đội Thi từ chối nhận những trách nhiệm ở «Văn nghệ quân đội», ở Tổng Cục Chính (Xem tiếp trang 15)



NGUYỄN ĐÌNH THI

ông cai văn nghệ đỏ

LOẠT BÀI THEO CHÂN NHÀ VĂN NHÀ THƠ TIỀN CHIẾN CỦA KIM NHẬT

Trời đầy chim và đất đầy hoa
Sáng dần chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà

Chỉ ta đã luyện thành sắt thép
Lòng chúng ta lửa bỏng đầu sôi
Quán giặc kinh hoàng trên đất chết
Mỗi bước đi lạnh toát mồ hôi

Khởi nhà máy cuộn trong sương sớm
Kêu gọi quân vắng vắng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng

Việt Nam tự ngày khởi lửa
Mỗi bước đường mỗi bước hy sinh
Trần chảy rục nghĩa trời đất mới
Lòng ta bắt gặp ánh bình minh

.....
Nguyễn đình Thi
1951
(Trích tập thơ «Người Chiến Sĩ»
Nhà xuất bản Văn Học. Hà Nội—
1960)

Nhưng trong số những văn nghệ sĩ Miền Bắc thời kháng chiến, có lẽ Nguyễn đình Thi là người khôn ngoan nhất. Vừa khôn ngoan, vừa «ma lanh» trong sự diễm tình, khéo léo đẩy thủ đoạn.

để mong có được một chiếc gối trong làng văn làng thơ. Đó là những «hiện tượng» Nguyễn đình Thi, Võ huy Tâm, Hữu Loan, Vũ tú Nam, Trần Dần, Phùng Quán, Trần Lê Văn, Bùi Hiền, Hoàng trung Thông v.v. v..

Cho nên, Nguyễn đình Thi sáng tác nhiều.

Về việc tranh thủ tình cảm với Đảng, mà Đảng trong Hội Văn Nghệ lúc bấy giờ là ai? Là Tổ Hữu! Thi cách tranh thủ hay nhất là suy tôn Tổ Hữu, làm Tổ Hữu vừa lòng, ngoan ngoãn với Tổ Hữu. Tổ Hữu nói gì, bảo gì cũng «chấp hành tuyệt đối», tỏ ra xunx phong gương mẫu, nhận bất cứ nhiệm vụ nào. Bởi Tổ Hữu là ủy viên Trung Ương Đảng, là lãnh tụ Văn nghệ, đặc trách về công tác văn hóa của Đảng.

Trong suốt thời kỳ ở Hội Văn nghệ Việt Bắc, đi công tác thì thôi, về đến «nhà» là Nguyễn đình Thi bám riết Tổ Hữu. Tâm tình chỉ tâm tình với Tổ Hữu. Bàn về văn nghệ, bàn về công tác chung cũng chỉ bàn với Tổ Hữu. Chơi chỉ chơi với Tổ Hữu, ngoài ra, Nguyễn đình Thi ít chịu chơi với ai. Vì vậy, trong số văn nghệ sĩ miền Bắc chỉ có Nguyễn đình Thi là thân với Tổ Hữu nhất.

Trên núi rừng Việt Bắc, sau mỗi chuyến đi công tác ở đâu về là Nguyễn đình Thi tâm sự, bàn bạc,

ĐỌC SÁCH

TIẾP THEO TRANG 12

nhưng một viên viên Trung sĩ nhất Mỹ to béo dềnh dàng khác lại chen vào: — Anh không biết, ngày trước đã có tụi Pháp ở xứ này rồi sao? (trang 29-30). Rồi ràng giọng điệu của ông chủ đi cai trị một dân tộc mà số phận là nô lệ. Cũng bởi còn có ở xứ này những ông Quận trưởng như cái ông Quận trưởng được nói tới đó. Một cái cơ. Và cũng bởi những ông Quận trưởng đó cũng vợ, em vợ và thuộc cấp xum xoe nịnh nọt, nhờ vả, xin sỏ người Mỹ đủ thứ đủ điều, nên mấy viên cố vấn mới vắng tục chửi thề mỗi lúc nhắc tới dân Việt Nam: «god damn it», «Son of bitch», «Fuckle it», vân vân, một cách thật là hỗn láo, thật là trịch thượng; thử nghe một câu «nhẹ nhàng» của viên hạ sĩ người Mỹ nói về lính Việt trong quân: «Chúng ta không cần tụi này ra làm gì. Chúng nó ra mình chỉ thêm bận, suốt ngày bu quanh nhà, xin các thứ và hỏi lung tung» (trang 62). Danh dự người Mỹ trên hết, vẫn lời viên hạ sĩ: «Tôi không cần đi Tỉnh hay Saigon. Tôi muốn chúng nó phải nằm bẹp xin lỗi tôi. Tôi muốn kẻ cho cha mẹ tôi ở bên Mỹ rằng tôi sang đây làm cố vấn, được trọng, được sợ chứ không muốn bị đánh rồi để yên...» (trang 63-64). Cái thâm trạng mà người chứng đã thấy là «Sau cùng không cần phải đợi anh Hạ sĩ Mỹ ra chỉ mặt, những người có dính đến vụ đập lộn vừa qua đều ra trình diện. Ông Quận đá, đánh, đâm tụi bự» (trang 64). Tôi vừa gạch dưới những chữ ghi nhận hành vi của viên Quận trưởng VN đối với thuộc cấp trước mặt ngoại nhân. Chính người VN đối với nhau đã thế, huống hồ... Và người Mỹ vốn có thói quen xét đoán các cá nhân bằng công việc, bằng kết quả, bằng con số. Lời viên Đại úy Mỹ về viên Quận trưởng VN: «Nhưng đêm qua lần đầu tiên tao thử sự thành thật của hắn ở một việc rất nhỏ là đếm những trái đạn bắn đi và chỉ thấy có 83 quả, tại sao. Tại sao lại thế» (trang 56). Người chứng ghi nhận về lời đó: «Tôi cũng không thể ngờ được là viên Đại úy trẻ kia có thể nằm đếm từng quả đạn để thử sự thành thật của người. Mấy móc, quy tắc và thiện cận hẹp hòi quá» (trang 57). Người Mỹ vốn ra sự chính xác mấy móc đó,

họ hỏi han cặn kẽ mọi điều, thắc mắc về mọi dự định của Quận trưởng VN, muốn biết trước từng chi tiết kế hoạch hành quân của bên VN để báo cáo lên thượng cấp. Họ muốn nắm được kết quả chính xác của việc người khác làm, nhưng chính họ, vì coi thường người Việt, coi rẻ mạng dân Việt, đã oanh tạc bừa bãi, nhất định oanh tạc. vào một đám người Việt khả nghi dù phi cơ quan sát L. 19 không dám quả quyết đó có phải là một đám quân địch không. Phi công Mỹ không chịu lái máy bay xuống thấp để quan sát kỹ — có lẽ vì sợ — nhưng lại quả quyết: «Nhiều lắm, nhiều lắm, rất nhiều V.C. đang tập hợp và sửa soạn di chuyển, chúng mang y phục đen» (trang 13), trong khi đó quan sát viên người Việt ngồi trên cùng chiếc máy bay đó báo cáo: «Theo sự quan sát của tôi, đây không phải là V.C. mà là những người dân đang gặt lúa. Họ mặc quần áo đen, đội nón lá và sinh hoạt không có gì khác» (trang 12). Trước hai kết luận mâu thuẫn, viên Quận trưởng cho đòi xã trưởng đến báo cáo, «không có báo cáo nào chứng tỏ khu vực ấy đã xong mùa gặt», nhưng viên Đại úy Mỹ khẳng định: «Nếu ông Quận nghĩ rằng đó không phải là V.C. cũng được, nhưng tôi nghĩ chiếc L.19 do một Đại úy Mỹ lái và quan sát thì không thể lầm được vì ông ta ở ngay trên đầu bọn chúng và quan sát rất kỹ, hơn chúng ta ở đây» (trang 13-14). Với một lập luận đầy định kiến như thế, ông ta đòi kết phi cơ oanh tạc. Sự kiện này chứng tỏ nơi người Mỹ về độc đoán thật đáng trách trong sự cộng tác với sĩ quan VN. Sự độc đoán đưa đến những quyết định lầm lẫn tai hại, giết chết bao nhiêu sinh mạng, phá tan bao nhiêu xóm làng. Chỉ vì sự khác biệt không thể dung hòa giữa người Mỹ và người Việt. Sự khác biệt đem lại bao nhiêu hậu quả nặng nề mà người dân quê vô tội phải gánh chịu trên đất nước này. Người dân quê VN, họ là loại người thế nào mà phải chịu đựng hết thảy? «Họ sống như loài chuột, họ chui rúc và khổ sở. Ban ngày đánh cá, làm ruộng, phơi nắng ngoài đồng, ban đêm chui vào hầm tối...» Những cái hầm này khi mùa nước lớn thì sao, họ vẫn phải chui xuống đó và ngụp lặn trong nước để tránh những quả đạn lạc. Tôi thấy không còn gì vô lý và tàn nhẫn hơn những quả đạn lạc» (trang 40). Nhưng chui rúc cũng không tránh khỏi tai họa, «tôi được tin 5 tiếng nổ đêm qua là do phản lực cơ thả nhầm hay là rớt bom sao đó xuống một xã trong quận...» Tôi không biết có bao nhiêu căn nhà bị cháy sập, có bao nhiêu người chết và bị thương, có bao nhiêu trâu bò lợn gà hoa màu bị tiêu sạch, bởi vì tôi không thể đếm được. Tôi không thể nào đếm được. Tiếng khóc, tiếng kêu tiếng rên la chúi bời, tiếng trẻ con, tiếng đàn bà cả ngàn thứ tiếng... Người ta đang khiêng những xác chết đặt nằm dài theo mé sông, có những thầy đã cháy rụi, có những thầy bị xé nát bét» (trang 68). Sự lầm lẫn với những hậu quả như thế, hẳn là không thể nào vớt vát, cứu chữa được nữa. Nhưng một cái nhún vai, hay một câu «chúng tôi rất tiếc...» rồi cũng thư xếp đầu vào đấy hết. Và người Mỹ tiếp tục độc đoán, tiếp tục đòi hỏi ở các cấp chỉ huy VN những tham khảo ý kiến của họ, những đồng ý hay giải

thích từ mình. Sự phản đối quyết liệt, sự ghê lạnh thờ ơ của thiếu tá K đối với các Cố Vấn Mỹ (những trang 126-147), chỉ đem lại những kết quả thật mỉa mai cho ông ta, những chế giễu và đe dọa, mà sau cùng ông ta chỉ còn biết thở dài cam chịu.

Gấp cuốn sách lại, những hình ảnh nhồn nháo hỗn độn được ghi nhận bởi người chứng qua những trang nhật ký đứt quãng được ráp nối (nhiều đoạn bị kiểm duyệt) vẫn liên tục gợi ra một khung cảnh: Khung cảnh những thôn ấp tiêu điều, những quận lỵ quanh hiu, những miền đất hoang vắng, đây là những nơi người chứng đã đặt chân tới, những nơi đang dần chìm trong cơn ác mộng chiến tranh chấp chờn. Mà cũng là những nơi mà sự hiện diện của các viên cố vấn Mỹ đang đem lại những hậu quả tai hại cho cuộc tranh thủ nhân tâm và đang làm ruồng rứt cơ thể VN bởi sự vụng về của họ bên cạnh những thói xấu: kiêu căng, độc đoán, thành kiến, mặc cảm và nhất là tính thần máy móc thiện cận hẹp hòi. Sự tố cáo người Mỹ trong cuốn «Nhật Ký» này không có tính cách lý thuyết và cũng không toàn diện, nó chỉ nhằm nêu ra những sự kiện, những thực trạng cụ thể bày trước mặt của tất cả chúng ta, nhất là của những ai muốn làm chứng nhân cho cuộc chiến này. Khía cạnh tích cực của sự tố cáo này là thúc giục một cuộc cải tiến trong cách cư xử của người Mỹ ở VN, để làm dễ mối giao hảo giữa họ và người dân Việt. Phải nhìn nhận là tác giả đã vẽ trong cuốn sách này những nét vẽ đen tối và kết luận là một bế tắc, là «bước đường cùng» của người chứng, lặp lại lần chót hai chữ «tối tăm» nhan nhản trong tập «Nhật Ký». Cảnh huống của lớp người trẻ còn ý thức những thừa mứa nổi một mối rã rời tê điếng, sự mệt mỏi đó lộ rõ ở bút pháp: thật hiếm có những câu văn dài hơi trong cuốn sách này; người ta đọc được ở đây những câu thật ngắn gọn, cộc lốc, hay những câu dài bị ngắt đứt thành nhiều khúc bởi những dấu phẩy. Đó là bút pháp duy cảm (Style nerveux), bồn chồn, chóng chán, lơ đãng uể oải. Bút pháp này thích hợp nhất cho sự diễn tả những cảnh trạng thoáng qua, chóng tàn, vỡ vụn, của ngoại giới cũng như của nội giới. Bởi thế nó vẽ nên một bức tranh phức tạp, đa dạng mà lại đơn điệu, vẽ thực tại chiến tranh ở đây và bây giờ. Sức mạnh nơi văn Thái Lăng là sức mạnh của sự gợi cảm. Tác giả chỉ vẽ những nét vẽ phác, gợi ra hơn là nói rõ; và thường bằng cách vi von, bóng gió. Ông không vẽ một chân dung nào rõ rệt, nhưng người đọc lại có thể hình dung được đủ hạng người điển hình của xã hội bấy giờ, tất cả đều thấp thoáng trong tập «Nhật Ký». Đặc biệt viên Trung sĩ nhất báo phi người Mỹ khoe khoang và lỗ bịch, viên Thiếu tá K. cứng cỏi, cô em vợ ông Quận trưởng điệu bộ quê mùa tập tành học đòi thói tình thành, viên đại úy cố vấn người Mỹ gốc Nhật Bản «không bao giờ quên hai quả bom nguyên tử họ đã thả xuống» và viên Hạ Sĩ Mỹ đen nhàn nhục, đó là những hình ảnh khó quên trong cái thế giới của «lòng nghi kỵ và những lời nói học đường» mà tác giả đã dựng nên bằng một bút pháp thực giản phác. Δ

DACOTEX

KỸ-NGHỆ DỆT ĐÔNG-Á

35, Phú Kiệt SAIGON

Đ.T. 93.047

- Bạn muốn tìm hiểu về binh chủng «THỦY QUÂN LỤC CHIẾN?»
- Bạn là người yêu của những chàng trai lính «MŨI XANH»?
- Bạn đã từng nghe và thấy những chiến công oanh liệt của người lính «COP BIÊN»?

HÃY TÌM ĐỌC NGAY:

DÒNG SÔNG TRƯỚC MẶT

Tuyển tập tuyệt vời của những người lính «MŨI XANH»

Đã có bán khắp các nhà sách trên toàn quốc.

THIÊN TỬ XUẤT BẢN

HƯNG ĐẠO

NHẬP CẢNG BÊRÊT, CHUYÊN MAY NÓN, KẾT DỆT VÀ IN CÁC LOẠI PHỤ HIỆU QUÂN ĐỘI

447C, Đại-lộ Trần Hưng Đạo

SAIGON

(Tiếp theo trang 4)

NHỮNG nhân vật của S. Bellow đều có chung một ám ảnh: trí tuệ là hồi chuông giang ngang ngoài trời đỏ rực rêu gọi bất bình rêu gọi âm ỉ và thâm thiết và đến xé tan nát, đó là những tri tưởng tàn phá ngày tháng, những bản khảo liên miên dày vò, những câu hỏi khốc liệt làm não con bùng bùng hân thù đau đớn và tê liệt toàn thân, con người tự cô lập mình, với vẻ siêu hình thâm hại của hân như câu hỏi mà nhà tri thức Herzog đã gọi tới Nietzsche: Ông muốn làm cho chúng tôi có thể sống nổi với khoảng trống không hiu quạnh. Ra lệnh cho chúng tôi không được tự mình chìm đắm vào trong những lễ thói thiện hảo thông thường của người đời nhưng buộc chúng tôi phải cất tiếng tra hỏi, hỏi như chưa bao giờ hỏi như vậy trước đó, mê mang điên cuồng hỏi, với tim lồng cuống quyết tri ngự sắt đá, hỏi vào tận trong lòng quỷ sứ.

Cuối cùng cũng chỉ còn sót lại có một mình Henderson — VUA MƯA. Henderson nhón nhủ như thảo mộc và thủy triều, Henderson làm vua và nó cũng đuối sương mù, Henderson nhẩy múa reo vang cho chim đậu trên vai, tâm hồn thành đen như mực, Henderson đội lớp thú để tìm hồn người: Sự từ cứu vớt Henderson và Henderson cứu vớt chúng ta.

Bài học Học Henderson cũng được chính S. Bellow nói rõ ràng hơn ở đây như tiếng nói và lời kêu gọi của một nhà văn trong thế hệ còn đang tiếp tục sống này : « Có lẽ một quyền lực nào đó trong chúng ta rồi đây sẽ nói cho chúng ta biết chúng ta là gì khi mà những điều ngộ nhận xưa kia đã được loại bỏ. Có một điều chắc chắn là hiện thể con người không phải như là điều mà con người đã từng nhau công nhận trong khoảng một thế kỷ nay. Dầu sao câu hỏi vẫn còn đó mãi mãi. Con người là một cái gì đó. Nó là cái gì ? Và dường như đối với tôi các nhà văn hiện đại đã không trả lời câu hỏi này trọn vẹn... Sự sai lầm của họ xảy ra khi họ cho rằng họ *biết được*, cái sự hiểu biết cũng tựa như khi họ quan niệm khoa vật lý *biết được* hay khoa sự học *biết được* cái này cái nọ. Để tái tạo của nhà văn không thể biết được theo một cách như vậy. Sự bị nhiệm vẫn tràn lan cùng khắp chẳng kém gì những kiến thức văn chương vẫn được người ta đặt ra vô số. Vậy mà chỉ có những thứ trường phái như là phái Biểu tượng hay phái Duy Thực hay phái Duy Cảm là được đem ra công hiến chứ riêng sự bí nhiệm của được, giống người thì tuyệt nhiên chẳng ai nói tới ». (4)

Và nếu bây giờ ngoài kia bỗng nhiên trời đổ mưa xuống, gọi mưa tôi, gọi mưa tôi như ngày nào tiền sử thì khi đó hỡi Henderson-Sung, Vua Mưa, nhà người sẽ làm gì ?

- (2) Herzog, Fawcett Crest Book, 1965, tr. 388.
- (3) Mosby, *Memoirs And others stories*, Fawcett Crest Book, 1969: *Leaving the Yellow House*, tr. 44 (MM)
- (4) S. Bellow : *Some notes on recent American fiction* (in M. Klein : *The American Novel since World War II*, Fawcett Premier Book, 1969, tr. 174).

Tiếp theo trang 7

Liên tiếp nhiều chiều tôi ra quán ngồi nhậu nhẹt vong mạng với ông Tám, cho đến tôi mệt mỏi mủi mề. Không biết vì sao bạn tôi và tôi, chúng tôi thấy mình quá xa nhau Thận khì. Tôi đã lo mơ nghĩ đến chuyện trở về. Và thành phố, buồn chết được. Cũng may (?), cái đêm lều lờng loang toàng đẹp đẽ kia lại là cái cơ dứt khoát cho tôi.

Trời hãy còn mờ sương, giòng sông thăm lặng
trở mình dưới những tia nắng yếu, khu mộ đá thu
hình trong cái nhìn vô vị của tôi, có lẽ chẳng nên
nên gì cả với người với cảnh, tôi xách chiếc va li
nào lên xe, chăm chú thuốc đầu ngày. Người bạn,
với cái giọng buồn buồn lúc tiễn đưa, bảo khẽ khi
vừa cho máy nổ:

— Bại Đồng Minh hôm nay buồn nhỉ? Δ



CHIEUCO

Nhập cảng mọi Ngành

Định-chợi : 20.130

Điện-thoại : 92.509

BẠN HÃY MUA NGAY :

10 TÌNH KHÚC.

THIÊN TỬ

235, ĐỀ THÁM SAIGON — TỔNG PHÁT HÀNH

SINH HOẠT VĂN NGHỆ



CÁC MIỀN

HY VĂN

HOÀNG NGỌC LIÊN
PHỤ TRÁCH

Giới thiệu tờ ĐIỆN TUYẾN, nội san của Đại đội Truyền Tin Sư Đoàn Nhảy Dù.

Sinh hoạt Văn Nghệ Các Miền vừa nhận được tờ ĐIỆN TUYẾN, nội san sinh hoạt của Đại đội Truyền Tin thuộc Sư Đoàn Nhảy Dù, xin hân hạnh được giới thiệu với bạn đọc tuần này.

I.— Ban chủ biên

Nói đến Đại đội Truyền Tin thuộc Sư Đoàn Nhảy dù, một số các anh em hoạt động Văn Nghệ chắc nhớ ngay đến người bạn thơ Hồ Tân Dân với bài thơ «Hạ Phiến» ngày nào. Riêng kẻ viết bài này còn hình dung ngay được khuôn mặt anh Tôn Thất Hiếu rất «văn nghệ», rất bay bướm. Quả nhiên Tôn Thất Hiếu đứng tên tờ Điện Tuyến cùng với Vũ xu Đình, chủ bút, Thư ký tòa soạn là Trần Minh Tâm. Dĩ nhiên trong ban biên tập tờ Điện Tuyến phải có tên anh bạn thơ Hồ Tân Dân cũng là kẻ viết trụ cột, một trong những «sáng lập viên» của tờ báo.

Ngoài ra, Điện Tuyến còn có các cây bút sau đây chủ trương :

Ngọc Quý, Na Uy, Thiện Tùng, Hoàng Tuấn, Đoàn Phương Dung, Yến Linh Phương, Trần Vinh Minh Tâm, Trần Tinh và Thành Kính.

II.— Hình Thức

Điện Tuyến khổ 13 x 19 cm, dày 76 trang in toàn trên giấy trắng, bìa 4 mẫu là công lao thực hiện tự túc với rất nhiều cố gắng của các chiến hữu Truyền Tin Sư Đoàn Nhảy Dù. Chúng tôi nhận thấy mặc dù phương tiện quá eo hẹp với cương vị của một Đại đội, từ anh chủ nhiệm đến các cộng sự viên đã quá nỗ lực chăm sóc cho tờ báo có một hình thức thật trang nhã, xinh xắn. Báo quay roneo mà trang nào ít ra cũng in hai, ba mẫu, tràn đầy minh họa rất mỹ thuật. Cứ đà cố gắng ấy, Điện Tuyến còn hứa hẹn nhiều vì chủ trương của các anh em là càng ngày càng làm đẹp thêm cho tờ báo.

III.— Nội dung

Điện Tuyến chỉ gồm 2 phần

— Phần tìm hiểu, sinh hoạt

— Phần sáng tác

1) Phần tìm hiểu, sinh hoạt chiếm một số trang khiêm nhường trong Điện Tuyến. Ngoài tin tức sinh hoạt chúng tôi chỉ đọc một bài mang tựa đề : «Các loại đèn trong Võ Tuyến Điện» Bài ký tên : Điện Tuyến.

2) Phần sáng tác chiếm gần hết tờ báo. Trong một số báo có đến 6 Truyện Ngắn. Thật là một thành tích rất đáng khuyến khích vì chưa có mấy tờ báo, dù số trang nhiều hơn, có đến 6 truyện ngắn như vậy :

- Nợ tình chưa trả cho ai của Thiện Tùng.
- Biên lúa màu trắng của Hồ Tân Dân.
- Sao anh không về của Hoàng Tuấn.
- Một thoáng vui trong muộn phiền của Đoàn Phương Dung.
- Giã biệt của Nhất Phương.
- Và Có Đơn của Hoài Trinh.

Và hình như để cho gần cận đối, Điện Tuyến tăng... 7 bài thơ xen kẽ vào các trang Truyện Ngắn :

- Hậu sự của Yến Linh Phương
- Hồi tưởng của Song Ngọc
- Đêm cuối cùng của Lê bá Tuấn
- Trọn vẹn của Hoàng Sơn Phúc Minh
- Biết đến bao giờ của Thành Kính
- Viết cho anh của Thanh Hằng
- và Hồn tôi của Tao Yên.

Ngoài ra còn có cả những trang Vui Cười và những bức tranh hí họa chen lẫn vào các trang sáng tác.

Với một nội dung phong phú như trên Điện Tuyến quả đã xứng đáng là một cơ quan sinh hoạt Văn Nghệ. Chúng tôi thành thực cầu chúc các anh em trong ban biên tập cứ giữ vững đà cố gắng ấy và sẽ còn hứa hẹn nhiều thành quả hơn nữa trong những số báo sắp phát hành.

IV.— Sáng tác trích đăng

BIÊN LÚA MÀU TRẮNG

tây bút HỒ TÂN DÂN

Quê hương ơi !

Ngày nào nắng hạ, mưa mùa ?

... Trên những làng xóm, ruộng đồng ấy, nhà đã dựng và lúa đang vàng, Người đã trở về đóng vui như bầy chim thiên di hội tụ sau mùa bão tuyết. Tôi biết cái giá của cuộc đời mới phải trả bằng những gì từ bao tháng năm qua. Vàng, tôi biết. Mọi người đều biết. Máu, xương và nước mắt. Những hiến dâng của người lính, người dân và cán bộ, những hy sinh cao cả, âm thầm, dai dẳng để bám lấy ruộng, giữ làng, giữ lúa. Giữ làng là giữ nước, giữ lúa là giữ mạng sống của quần dân ta. Tôi không muốn ai đọc cho nghe thống kê của một làng, một quận về những mất mát đã qua để tồn tại bây giờ và mãi mãi. Nghe, đau lòng lắm, vì có sự hy sinh nào mà không chua xót, tiếc thương ? Tuy nhiên tôi cũng không muốn những ai còn sống có thể quên những mất mát đã qua. Chúng ta không được quyền quên. Hãy nâng lên, hãy ngẫm nghĩa một giá trị hạt vàng mà «nghe» tâm sự của nó : tâm sự của một hình thành qua những quá trình vô vàn cay đắng, gian truân. Ôi thương mến biết bao, quý giá biết bao, những giá trị màu trắng của những cánh đồng vừa thoát xác ! Sự đe dọa tuy bị đánh xa nhiều nơi nhưng «nó» chưa mất hẳn. Người lính chiến tiền phương vẫn còn chắc tay súng. Xây dựng trong chiến đấu. Cảnh đồng lớn của quê hương lớn nhất chưa hoàn toàn trải kín màu lúa vàng mơ. Bà con quê tôi còn gian khổ. Tôi còn phải trở lại chiến trường. Chúng ta còn đi tới...△

ĐẶNG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đàn bà

PHÁT GIÁC MỚI

Những nhân viên của một xưởng kỹ nghệ nọ một buổi sáng bỗng thấy ở đầu hành lang một tấm biển lớn với những hàng chữ : «Ban Giám đốc quyết định kể từ mai sẽ cho kẻ một vạch vàng giữa hành lang, để phân thành hai lối đi. Biện pháp này để tránh cho những người hay đi làm muộn khỏi đụng phải những người hay về sớm !»

Một tuần sau chiếc biển được cất đi để thay bằng tấm biển : «Từ nay nhân viên khỏi cần tuân theo vạch vàng giữa hành lang bởi vì ban giám

đốc đã khám phá ra rằng những người đi muộn và những người về sớm không bao giờ có thể đụng nhau vì họ chỉ là một.»

THÂN HÌNH HẤP DẪN

Một thiếu phụ đang làm cơm trong bếp. Có tiếng gõ cửa. Bà bỏ dở nồi cơm chạy ra. Một người đàn ông gật đầu chào rất lễ phép rồi hỏi :

— Thưa bà, bà có nghĩ rằng bà có một thân hình rất đẹp và kêu gọi hay không ?

Bị hỏi một câu quá bất ngờ người đàn bà đứng sững trong giây lát. Khi đã bình tĩnh trở lại bà liền đóng xập cửa lại không thèm trả lời. Chiều hôm sau lại có tiếng gõ cửa. Vẫn người đàn ông hôm trước, vẫn câu hỏi cũ. Thiếu phụ lại trả lời bằng thái độ lạnh thinh. Câu chuyện đó diễn ra suốt một tuần lễ liền. Người đàn bà không chịu nổi nữa liền kể đầu đuôi với chồng để tìm cách đối phó. Người chồng, hôm sau bên nấp sau cánh cửa khi thấy tiếng gõ. Người vợ mở cửa :

— Chào bà, bà có thể nghĩ rằng bà có một thân hình rất đẹp và kêu gọi hay không ?

Yên chí có chồng đứng sau cửa người đàn bà trả lời mạnh bạo :

— Đúng, nhưng như vậy thì có sao không ?

LƯU Ý BẠN ĐỌC.

Vì tòa soạn ít người, từ nay Khôri Hạnh tuyệt đối không trả lại bản thảo, dù có lời yêu cầu của quý bạn. Chúng tôi loan báo trước để tránh những phiền phức có thể xảy ra. Tuy nhiên, bạn nào đã yêu cầu phát hoàn bản thảo trước khi có cái lưu ý này, chúng tôi sẽ cho lần lượt gửi lại.

— Thưa, nếu vậy xin bà nói giùm với ông nhà là hãy sử dụng thứ của nhà đi chứ đừng sang ve vãn vợ tôi nữa.

LÀM LẼN MANG HỌ GI

Gặp nhân tình yêu nhau rất mực. Người đàn ông hướng thụ tất cả những thú vui bên người nhân tình trẻ trứ cái ăn huệ cuối cùng. Gã tán :

— Em chiều anh đi. Chúng ta muốn sống hạnh phúc khi lấy nhau nên tìm hiểu nhau kỹ khi chưa cưới. Chúng ta sẽ hiểu được những sở thích của nhau. Chúng ta nên thử tất cả mọi thứ. Như vậy nếu có điều gì không hợp nhau, điều gì làm lẫn chúng ta có thể xa nhau.

Người con gái hỏi lại :

— Đồng ý với anh, nhưng em hỏi anh nếu có sự làm lẫn thì sự làm lẫn sẽ mang họ của anh hay của em ?

nguyễn đình thi...

(tiếp theo trang 12)

Trị đã dành, còn nhất định không cộng tác nữa mới lạ. Mấy lần Văn Phác lúc còn làm chủ nhiệm tạp chí «Văn nghệ quân đội» viết thư đến mời Thi viết bài. Thi cứ hứa cuội. Rồi sau Văn Phác bị ông Phó chủ nhiệm Tịch Tịnh hất văng đi, nhảy lên làm chủ nhiệm, Vũ Cao phó chủ nhiệm. Thi cũng «phe lò».

Cái sự lạ đó, đó kỳ đó kéo dài mãi cho đến hôm nay, Thi nhất định không hợp tác. Dù rằng hầu hết những đề tài của Thi sáng tác toàn viết về quân đội. Viết về quân đội mà không đăng trên báo của quân đội, không cho Nhà xuất bản quân đội in hành, lại giao cho Nhà xuất bản Văn Nghệ của Hội Văn Nghệ, sau này là Nhà xuất bản Văn Học của Hội Nhà Văn. Tác phẩm XUNG KÍCH của Thi là chứng cứ nổi nhất trong thời kỳ làm chính trị viên phó ở Sư đoàn 308.

Đầu năm 1954, Nguyễn đình Thi về hẳn ở Việt Bắc, với tư cách đặc phái viên của Hội Văn Nghệ cùng đi tham dự chiến dịch Điện Biên Phủ với Tô Ngọc Văn, Trần Dân v.v... để viết phóng sự.

Cho đến năm 1955 Thi về Hà nội và được Đảng giao nhiệm vụ «cai quản» đám nhà văn với chức vụ Tổng Thư Ký Hội Nhà Văn.

còn tiếp